

Số: 2603 /2026/CBTT-CNCTech

TP Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH

- Mã chứng khoán: CLI
- Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Vista, Số 4/15 Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: 086 820 8111 Email: hello@cnctech.vn
- Website: <https://cnctech.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

Ngày 26/3/2025, Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech (“CNCTech Group”) đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2026.

CNCTech Group công bố Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 và bộ tài liệu thông qua tại Đại hội đính kèm. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của CNCTech Group tại đường dẫn: <https://cnctech.vn> tại mục Quan hệ Cổ đông/Công bố thông tin/Đại hội đồng cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm: Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 và bộ tài liệu thông qua tại Đại hội.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



VŨ ANH TUẤN

Số: 2603/2026/NQ-ĐHĐCĐTN

Phụ Thọ, ngày 26 tháng 03 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Doanh nghiệp sửa đổi bổ sung năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty CP Tập đoàn CNCTech (CNCTech Group);
- Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông số: 2603/2026/BBH-ĐHĐCĐTN ngày 26 tháng 03 năm 2026;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 của CNCTech Group ngày 26 tháng 03 năm 2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung:

1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị;
2. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026;
3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát 2025;
4. Thông qua Báo cáo tài chính Kiểm toán năm 2025 và lựa chọn Công ty Kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2026;
5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025;
6. Thông qua chủ trương giao dịch với bên liên quan;
7. Thông qua chi trả thù lao cho thành viên HĐQT và BKS;
8. Thông qua việc Tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài và thay đổi, bổ sung ngành, nghề đăng ký kinh doanh;
9. Thông qua Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng Vốn điều lệ năm 2026;
10. Thông qua việc chuyển cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech đang đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;
11. Thông qua ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát, Quy chế Công bố thông tin, Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và kết hợp trực tiếp với trực tuyến;
12. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech;
13. Thông qua việc thay đổi thành viên Hội đồng quản trị;
14. Thông qua việc thay đổi thành viên Ban kiểm soát;



Điều 2. Hiệu lực

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm công bố Nghị quyết này trên website Công ty và thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Thi hành Nghị quyết

Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc/Ban Điều hành chịu trách nhiệm phổ biến quán triệt, triển khai thực hiện và kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện theo tinh thần Nghị Quyết này.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Các cổ đông;
- Lưu Văn phòng.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



NGUYỄN VĂN HÙNG



Số: 2603/2026/BBH-ĐHĐCĐTN

Phú Thọ, ngày 26 tháng 03 năm 2026

BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH

Căn cứ vào:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật Doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định trong Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech.

❖ Thời gian và địa điểm họp:

Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech (“CNCTech Group”) – Mã số doanh nghiệp: 0106839469 đã tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông công ty:

Thời gian: Từ 14 giờ 00 phút, ngày 26 tháng 03 năm 2026.

Địa chỉ: Tầng 3, Toà nhà F2A, Lô F1-2-3 KCN Thăng Long Vĩnh Phúc, xã Bình Nguyên, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

A. PHẦN THỦ TỤC

1. Tuyên bố lý do

Người dẫn chương trình tuyên bố lý do triệu tập cuộc họp: Căn cứ Điều lệ CNCTech Group và pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) CNCTech Group triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2026 để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền.

Chủ tọa thông báo Đại hội được tổ chức và hoạt động tuân theo Quy chế tổ chức và hoạt động được ĐHĐCĐ thông qua.

2. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông công bố báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đến thời điểm 14h00p:

- Tổng số phiếu biểu quyết của CNCTech Group là 91.600.000 phiếu tương ứng với số tổng số phiếu của 205 cổ đông, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của công ty.



- Tổng số cổ đông trực tiếp tham dự và thông qua người được ủy quyền hợp lệ tham dự Đại hội là 114 cổ đông, sở hữu và đại diện cho 88.870.320 cổ phần tương ứng với 88.870.320 phiếu biểu quyết, chiếm 97,02% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của CNCTech Group.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành và Điều lệ CNCTech Group, Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp, theo hình thức tham dự trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền, đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của CNCTech Group. Do vậy, cuộc họp ĐHĐCĐ của CNCTech Group đủ điều kiện tiến hành.

3. Giới thiệu Đoàn Chủ tịch và Chủ tọa Đại hội:

- Ông Nguyễn Văn Hùng – Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa cuộc họp
- Ông Đào Hoàng Việt – Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Vũ Anh Tuấn – Thành viên HĐQT
- Bà Nguyễn Thị Dung – Thành viên HĐQT

4. Thư ký

Đại hội đề cử bà Nguyễn Thị Huyền Trang và bà Dương Quỳnh Anh là thư ký Đại hội và được Đại hội thông qua với tỷ lệ tán thành 100% số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

5. Ban kiểm phiếu

Đại hội đề cử Ban kiểm phiếu gồm ông Đường Văn Ngọc và ông Lê Tuấn Kiệt và được Đại hội thông qua với tỷ lệ tán thành 100% số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

B. NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH CUỘC HỌP

I. Thông qua nội dung Chương trình họp

1. Đoàn Chủ tịch công bố và Đại hội thông qua Chương trình Đại hội (tài liệu kèm theo) với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
2. Đại hội thông qua Quy chế về tổ chức và hoạt động của cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2025 (tài liệu kèm theo) với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
3. Đại hội thông qua Quy chế về bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát (tài liệu kèm theo) với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

II. Báo cáo và trình bày các vấn đề cần được cổ đông biểu quyết thông qua tại Đại hội

1. Ông Nguyễn Văn Hùng – Chủ tịch HĐQT trình bày Báo cáo của Hội đồng quản trị (tài liệu kèm theo);
2. Ông Vũ Anh Tuấn - Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026 (tài liệu kèm theo);

3. Bà Nguyễn Hồng Nhung – Trưởng Ban kiểm soát trình bày Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát 2025 (tài liệu kèm theo);
4. Ông Đào Hoàng Việt – Phó Chủ tịch HĐQT trình bày các Tờ trình của Hội đồng quản trị bao gồm:
 - i) Tờ trình về việc: Thông qua Báo cáo tài chính Kiểm toán năm 2025 và lựa chọn Công ty Kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2026 (tài liệu kèm theo);
 - ii) Tờ trình về việc: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 (tài liệu kèm theo);
 - iii) Tờ trình về việc: Thông qua chủ trương giao dịch với bên liên quan (tài liệu kèm theo);
 - iv) Tờ trình về việc: Thông qua chi trả thù lao cho thành viên HĐQT và BKS (tài liệu kèm theo);
 - v) Tờ trình về việc: Thông qua việc Tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài và thay đổi, bổ sung ngành, nghề đăng ký kinh doanh (tài liệu kèm theo);
 - vi) Tờ trình về việc: Thông qua Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng Vốn điều lệ năm 2026 (tài liệu kèm theo);
 - vii) Tờ trình về việc: Thông qua việc chuyển cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech đang đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (tài liệu kèm theo);
 - viii) Tờ trình về việc: Thông qua ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát, Quy chế Công bố thông tin, Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và kết hợp trực tiếp với trực tuyến (tài liệu kèm theo);
 - ix) Tờ trình về việc: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech (tài liệu kèm theo);
 - x) Tờ trình về việc: Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị (tài liệu kèm theo);
 - xi) Tờ trình về việc: Thay đổi thành viên Ban kiểm soát (tài liệu kèm theo);

III. Trao đổi và thảo luận

Đoàn Chủ tịch và Đại hội đã lắng nghe các ý kiến của các cổ đông và tiến hành trao đổi, thảo luận về nội dung các báo cáo, tờ trình đã được trình bày tại Đại hội cùng các câu hỏi liên quan đến hoạt động của Tập đoàn. Đại hội đã thống nhất các nội dung trả lời tại Đại hội và không có ý kiến gì khác.

IV. Biểu quyết các nội dung trong chương trình họp

| STT | Nội dung biểu quyết | Số phiếu tán thành | Số phiếu không tán thành | Số phiếu không ý kiến | Kết quả/Tỷ lệ thông qua |
|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------|--------------------------|-----------------------|-------------------------|
| Phương thức biểu quyết: Biểu quyết trực tiếp | | | | | |
| 1. | Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị năm 2025 | 88.870.320 phiếu | 0 phiếu | 0 phiếu | 100% |

| | | | | | |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------|---------|------|
| 2. | Thông qua Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026 | 88.870.320 phiếu | 0 phiếu | 0 phiếu | 100% |
| 3. | Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát 2025 | 88.870.320 phiếu | 0 phiếu | 0 phiếu | 100% |
| 4. | Thông qua Báo cáo Tài chính và phê duyệt công ty kiểm toán | 88.870.320 phiếu | 0 phiếu | 0 phiếu | 100% |
| 5. | Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 | 88.870.320 phiếu | 0 phiếu | 0 phiếu | 100% |
| 6. | Thông qua chủ trương giao dịch với bên liên quan | 88.870.320 phiếu | 0 phiếu | 0 phiếu | 100% |
| 7. | Thông qua việc chi trả thù lao cho thành viên HĐQT và BKS | 88.870.320 phiếu | 0 phiếu | 0 phiếu | 100% |
| 8. | Thông qua việc Tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài và thay đổi, bổ sung ngành, nghề đăng ký kinh doanh | 88.870.320 phiếu | 0 phiếu | 0 phiếu | 100% |
| 9. | Thông qua Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng Vốn điều lệ năm 2026 | 88.870.320 phiếu | 0 phiếu | 0 phiếu | 100% |
| 10. | Thông qua việc chuyển cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech đang đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh | 88.870.320 phiếu | 0 phiếu | 0 phiếu | 100% |
| 11. | Thông qua ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát, Quy chế Công bố thông tin, Quy chế tổ chức ĐHCĐ trực tuyến và kết hợp trực tiếp với trực tuyến | 88.870.320 phiếu | 0 phiếu | 0 phiếu | 100% |
| 12. | Thông qua việc sửa đổi, bổ sung | 88.870.320 | 0 phiếu | 0 phiếu | 100% |

| | | | | | |
|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|--------------------------------|--|--|--|
| | Điều lệ công ty | phiếu | | | |
| Kết quả kiểm phiếu về việc thay đổi thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát | | | | | |
| 13. | Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Ngô Hùng Tín | Số phiếu bầu: 88.870.320 phiếu | | | |
| 14. | Thay đổi thành viên Ban kiểm soát đối với bà Nguyễn Ngân Giang | Số phiếu bầu: 88.870.320 phiếu | | | |

V. Các Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp

1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị;
Nghị quyết này được thông qua với số phiếu tán thành là 88.870.320 phiếu, chiếm 100,00% Tổng số phiếu biểu quyết.
2. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026;
Nghị quyết này được thông qua với số phiếu tán thành là 88.870.320 phiếu, chiếm 100,00% Tổng số phiếu biểu quyết.
3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát 2025;
Nghị quyết này được thông qua với số phiếu tán thành là 88.870.320 phiếu, chiếm 100,00% Tổng số phiếu biểu quyết.
4. Thông qua Báo cáo tài chính Kiểm toán năm 2025 và lựa chọn Công ty Kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2026 theo tờ trình của HĐQT;
Nghị quyết này được thông qua với số phiếu tán thành là 88.870.320 phiếu, chiếm 100,00% Tổng số phiếu biểu quyết.
5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 theo tờ trình của HĐQT;
Nghị quyết này được thông qua với số phiếu tán thành là 88.870.320 phiếu, chiếm 100,00% Tổng số phiếu biểu quyết.
6. Thông qua chủ trương giao dịch với bên liên quan theo tờ trình của HĐQT;
Nghị quyết này được thông qua với số phiếu tán thành là 88.870.320 phiếu, chiếm 100,00% Tổng số phiếu biểu quyết.
7. Thông qua chi trả thù lao cho thành viên HĐQT và BKS theo tờ trình của HĐQT;
Nghị quyết này được thông qua với số phiếu tán thành là 88.870.320 phiếu, chiếm 100,00% Tổng số phiếu biểu quyết.
8. Thông qua việc Tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài và thay đổi, bổ sung ngành, nghề đăng ký kinh doanh theo tờ trình của HĐQT;
Nghị quyết này được thông qua với số phiếu tán thành là 88.870.320 phiếu, chiếm 100,00% Tổng số phiếu biểu quyết.
9. Thông qua Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng Vốn điều lệ năm 2026 theo tờ trình của HĐQT;

TOAN
CH
39469

Nghị quyết này được thông qua với số phiếu tán thành là 88.870.320 phiếu, chiếm 100,00% Tổng số phiếu biểu quyết.

10. Thông qua việc chuyển cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCtech đang đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo tờ trình của HĐQT;
Nghị quyết này được thông qua với số phiếu tán thành là 88.870.320 phiếu, chiếm 100,00% Tổng số phiếu biểu quyết.
11. Thông qua ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát, Quy chế Công bố thông tin, Quy chế tổ chức ĐHCĐ trực tuyến và kết hợp trực tiếp với trực tuyến theo tờ trình của HĐQT;
Nghị quyết này được thông qua với số phiếu tán thành là 88.870.320 phiếu, chiếm 100,00% Tổng số phiếu biểu quyết.
12. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCtech theo tờ trình của HĐQT;
Nghị quyết này được thông qua với số phiếu tán thành là 88.870.320 phiếu, chiếm 100,00% Tổng số phiếu biểu quyết.
13. Thông qua việc thay đổi thành viên Hội đồng quản trị theo tờ trình của HĐQT;
Nghị quyết này được thông qua với số phiếu tán thành là 88.870.320 phiếu, chiếm 100,00% Tổng số phiếu biểu quyết.
14. Thông qua việc thay đổi thành viên Ban kiểm soát theo tờ trình của HĐQT;
Nghị quyết này được thông qua với số phiếu tán thành là 88.870.320 phiếu, chiếm 100,00% Tổng số phiếu biểu quyết.

C. THÔNG QUA BIÊN BẢN ĐẠI HỘI VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Biên bản này được Đại hội thông qua tại cuộc họp với tỷ lệ tán thành là 100,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Chủ tọa tuyên bố bế mạc Đại hội vào hồi 16h30p cùng ngày.

Chủ tọa và Thư ký cùng cam kết về tính chính xác, trung thực của nội dung Biên bản họp và cùng ký tên dưới đây./.

Chữ ký của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp

**CHỦ TỌA CUỘC HỌP
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



NGUYỄN VĂN HÙNG

THƯ KÝ 1

DƯƠNG QUỲNH ANH

THƯ KÝ 2

NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH

Thực hiện quy định tại Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị ("HĐQT") Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech ("Công ty") gửi tới Quý cổ đông Báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2025 và kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2026. Báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị gồm các phần sau:

- Cơ cấu hiện tại của Hội đồng quản trị.
- Báo cáo của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2025
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2025:
- Kế hoạch định hướng phát triển trong năm 2026

I. Cơ cấu hiện tại của Hội đồng quản trị

Cơ cấu Hội đồng quản trị đến thời điểm họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026, bao gồm các thành viên:

- Ông Nguyễn Văn Hùng - Chủ tịch HĐQT;
- Ông Đào Hoàng Việt - Phó Chủ tịch HĐQT;
- Ông Nguyễn Trung Kiên - Phó Chủ tịch HĐQT;
- Ông Vũ Anh Tuấn - Thành viên HĐQT;
- Bà Nguyễn Thị Dung - Thành viên HĐQT.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2025

1. Các chỉ tiêu và số liệu về tài chính:

Năm 2025, kinh tế toàn cầu tiếp tục trải qua nhiều biến động phức tạp. Tình hình địa chính trị thế giới diễn biến căng thẳng, xung đột vũ trang và cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn vẫn leo thang, các biện pháp bảo hộ thương mại duy trì ở mức cao và dòng chảy thương mại - đầu tư quốc tế tiếp tục suy yếu. Trong bối cảnh đổi mới toàn diện ấy, Công ty cũng chủ động tiến hành tái cấu trúc và chuyển đổi mạnh mẽ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Bám sát chủ trương tinh gọn - hiệu quả của Chính phủ, Công ty đã đẩy mạnh đổi mới mô hình quản



tri, hoàn thiện hệ thống vận hành theo hướng linh hoạt và chuyên nghiệp hơn, tái cơ cấu các đơn vị thành viên để tăng tính liên kết chuỗi giá trị trong toàn Tập đoàn. Đồng thời, Công ty tiếp tục đầu tư vào công nghệ và nâng cao năng lực sản xuất trong lĩnh vực cơ khí chính xác và sản xuất công nghệ cao - phù hợp với xu thế thu hút FDI chất lượng cao và dịch chuyển chuỗi cung ứng vào Việt Nam trong năm 2025. Những nỗ lực đó được thể hiện rõ qua các chỉ tiêu tài chính trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Công ty như sau:

Thực hiện kế hoạch năm 2025

Đơn vị tính: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2025 | Thực hiện năm 2025 | Tỷ lệ hoàn thành (%) |
|--------------------|--------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| Tổng doanh thu | 1.966 | 2.212 | 112,5% |
| Lợi nhuận sau thuế | 183 | 201 | 109,6% |

Chỉ tiêu tài chính năm 2025

Đơn vị tính: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2024 | Năm 2025 | Tỷ lệ hoàn thành (%) |
|------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------------------|
| Tổng tài sản | 6.215 | 7.399 | 119,1% |
| Vốn chủ sở hữu | 2.056 | 2.280 | 110,9% |
| <i>Trong đó: Vốn Điều lệ</i> | <i>916</i> | <i>916</i> | |
| Doanh thu thuần | 1.637 | 2.209 | 134,9% |
| Lợi nhuận sau thuế | 306 | 201 | 65,5% |

2. Chi tiết về một số hoạt động sản xuất kinh doanh chính:

Khối Công nghệ Sản xuất: Năm 2025, Khối Công nghệ Sản xuất đã phát triển và cung cấp 8 nhóm dịch vụ sản xuất tích hợp, bao gồm: Gia công cơ khí chính xác CNC; Gia công kim loại tấm; Chế tạo khung thân máy; Chế tạo khuôn và sản phẩm nhựa; Chế tạo thiết bị khai thác dầu khí; Xử lý bề mặt; Thiết kế và chế tạo máy tự động hóa; Thiết kế và sản xuất điện tử theo mô hình ODM/OEM. Công ty cũng tạo được những dấu ấn về hợp tác quốc tế: với đại diện kinh doanh 4 thị trường lớn Nhật, Mỹ, Đức và Đài Loan; phát triển thị trường quốc tế với hơn 400 khách hàng tại hơn 35 quốc gia. Năng lực sản xuất của công ty đáp ứng 300 bộ khuôn/năm, 10 dây chuyền SMT và 18 dây chuyền lắp ráp điện tử và đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế như: ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, IATF16949, LEED.

Khối Giải pháp Công nghiệp: Năm 2025, dấu ấn với Giải pháp Công nghệ không chỉ dừng lại ở tỷ lệ lấp đầy nhà xưởng cho thuê và khẳng định uy tín với các khách hàng lớn như Compal, Accton, APD, VNPost,... mà với mô hình "One-stop service", Công ty đồng hành toàn diện từ tư vấn pháp lý, quy hoạch, thi công đến giải pháp phụ trợ, giúp đối tác tối ưu chi phí và rút ngắn thời gian đi vào sản xuất. Công ty đã triển khai thi công nhà máy UTI VINA (doanh nghiệp FDI Hàn Quốc với tổng mức đầu tư hơn 105 triệu USD) và cải tạo Kho KN4 Bắc Giang cho JUSDA Việt Nam (đơn vị quản lý chuỗi cung ứng độc quyền của Foxconn),...

Khối Dịch vụ Logistics: Khởi công từ tháng 8/2024, ngày 22/04/2025, Trung tâm Logistics Quốc tế Bắc Giang chính thức ra mắt và từng bước đưa vào khai thác 26,8 ha kho bãi, 26,5 ha hạ tầng giao thông, cây xanh. Trung tâm Logistics với tiêu chuẩn Quốc tế giữ vị trí cầu nối và cửa ngõ giao thương giữa Việt Nam - Trung Quốc - ASEAN, ứng dụng mô hình khai báo hải quan tự động 100% bằng AI Agent, kết nối trực tiếp hệ thống Việt Nam - Trung Quốc giúp Dịch vụ Logistics của Công ty trở thành khối ngành kinh doanh chiến lược, mở rộng phạm vi cung cấp chuỗi dịch vụ toàn diện.

III. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2025:

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025:

Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức và tiến hành theo Điều lệ Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành. Các Biên bản và Nghị quyết của HĐQT đều có sự thống nhất của các thành viên HĐQT và được lưu giữ theo quy định.

Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đã được Ban điều hành triển khai đồng bộ, nhất quán và hiệu quả, kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và theo yêu cầu của HĐQT. Tất cả các thành viên HĐQT đều chủ động tham gia giám sát hoạt động của Công ty, tham gia thảo luận tại các cuộc họp định kỳ hoặc thông qua các lần lấy ý kiến bằng văn bản. HĐQT đều được khuyến khích đề xuất, kiến nghị bất kỳ lúc nào thấy cần thiết cho Công ty và không có giới hạn về mặt không gian, thời gian và nội dung thảo luận. Các tài liệu họp phải được Công ty gửi đến các thành viên HĐQT tối thiểu 7 ngày trước ngày họp.

Hoạt động của Hội đồng quản trị: Thành viên HĐQT có trách nhiệm tham gia các cuộc họp HĐQT của Công ty trong năm. Trong trường hợp có thành viên nào không tham dự họp được thì phải có thông báo gửi cho HĐQT và nêu lý do cụ thể. Biên bản họp đều được gửi tới tất cả thành viên HĐQT để ghi nhận lại tất cả nội dung đã họp.

Trong năm 2025, Ban Tổng Giám đốc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình kinh doanh và điều hành Công ty cho HĐQT. HĐQT thông qua các chủ trương, chỉ đạo kịp thời, định hướng chiến lược kinh doanh, kế hoạch đầu tư và hoạt động kinh doanh của công ty.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo quản trị năm 2025):

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1. | 0101/2025/NQ-HĐQT | 01/01/2025 | Nghị quyết HĐQT Thông qua việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 | 100% |
| 2. | 0101/2025/NQ-HĐQT | 01/01/2025 | Nghị quyết HĐQT Thông qua việc chuyển nhượng cổ phần tại CTCP Công nghệ cao CNC, thay đổi các chức danh và người đại diện theo pháp luật | 100% |
| 3. | 2002/2025/NQ-HĐQT | 20/02/2025 | Nghị quyết HĐQT Thông qua việc các hồ sơ, tờ trình của HĐQT họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 | 100% |
| 4. | 1808/2025/NQ-HĐQT | 18/08/2025 | Nghị quyết HĐQT Thông qua việc thực hiện đăng ký công ty đại chúng | 100% |
| 5. | 2810/2025/NQ-HĐQT | 28/10/2025 | Nghị quyết HĐQT Thông qua việc chốt danh sách cổ đông và lấy ý kiến bằng văn bản | 100% |
| 6. | 1512/2025/NQ-HĐQT | 15/12/2025 | Nghị quyết HĐQT Thông qua việc mua cổ phần phát hành chào bán để tăng vốn góp vào CTCP CNCTech Thăng Long | 100% |
| 7. | 2912/2025/NQ-HĐQT | 29/12/2025 | Nghị quyết HĐQT Thông qua việc bổ nhiệm chức danh Giám đốc Tài chính của Tập đoàn | 100% |
| 8. | 3012/2025/NQ-HĐQT | 30/12/2025 | Nghị quyết HĐQT Thông qua việc đăng ký, đăng ký giao dịch đối với toàn bộ cổ phiếu đã phát hành của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech | 100% |

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

Trong năm 2025, HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc nhằm bảo đảm hoạt động điều hành của Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị,

đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đặc biệt là cổ đông thiểu số. Hội đồng Quản trị đã giám sát Ban Tổng Giám đốc thông qua các hoạt động cụ thể sau:

- Giám sát việc xây dựng, trình và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất – kinh doanh, kế hoạch tài chính hằng năm, kế hoạch đầu tư và các chiến lược phát triển của Công ty; đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị thông qua.
- Hàng quý tổ chức họp giao ban toàn Công ty với thành phần bao gồm: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các phòng ban để đánh giá mức độ thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, kết quả thực hiện; Đề ra kế hoạch chi tiết trong tháng; Giải quyết các vấn đề còn tồn tại trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xem xét các báo cáo định kỳ và đột xuất của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến tình hình hoạt động sản xuất - kinh doanh, tài chính, quản trị rủi ro, công bố thông tin và các vấn đề trọng yếu khác; kịp thời đưa ra ý kiến chỉ đạo đối với các nội dung chưa phù hợp.
- Giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán và thị trường chứng khoán; việc thực hiện Điều lệ Công ty, các quy chế quản trị nội bộ, đặc biệt là Quy chế quản trị công ty, Quy chế công bố thông tin và các quy định về giao dịch với bên liên quan.
- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị; theo dõi và đánh giá hiệu quả quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty.
- Xem xét, quyết định hoặc trình Đại hội đồng cổ đông các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến nhân sự Ban Tổng Giám đốc, chế độ tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác gắn với kết quả hoạt động và hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- Thông qua công tác giám sát, Hội đồng Quản trị đánh giá Ban Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, điều hành hoạt động của Công ty phù hợp với chiến lược phát triển, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và đảm bảo tính minh bạch trong quản trị công ty niêm yết.

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý thuộc Ban Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của Công ty trong việc tổ chức thực hiện các chỉ đạo của Hội đồng quản trị và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các định hướng chiến lược và kế hoạch trong năm của Công ty. Kết quả hoạt động kinh doanh được Ban Tổng Giám đốc báo cáo đầy đủ, kịp thời cho Hội đồng quản trị và cổ đông. Việc giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và các bộ quản lý Công ty không phát

hiện điều bất thường trong năm 2025.

3. **Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT:**

Thực hiện chi lương, thù lao của HĐQT năm 2025: 1.050.000.000 đồng (*Bảng chữ: Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng*).

4. **Giao dịch của Công ty với các bên liên quan trong năm 2025:**

Trình tự, thủ tục phê duyệt các giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan được thực hiện theo các quy định của Luật doanh nghiệp, Quy chế Công ty.

IV. **Kế hoạch định hướng phát triển trong năm 2026**

1. **Kế hoạch kinh doanh của Công ty cho năm 2026 với những chỉ tiêu như sau:**

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2025 | KH 2026 | Tỷ lệ (%) |
|--------------------|-----------------|----------------|------------------|
| Tổng doanh thu | 2.212 | 2.650 | 119,8% |
| Lợi nhuận sau thuế | 201 | 265 | 132,2% |

Căn cứ để HĐQT đưa ra kế hoạch này dựa trên các yếu tố sau:

Căn cứ trên các kế hoạch đặt hàng của khách hàng sản xuất hiện hữu và các hợp đồng thi công đang triển khai với nhà thầu từ năm 2025 và tiếp tục thực hiện trong năm 2026 ước tính đạt 2.500 tỷ đồng.

Hội đồng quản trị đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh thận trọng tránh áp lực cho Ban điều hành dẫn tới khả năng có thể mất vốn khi tham gia vào các dự án có tính rủi ro. Do vậy kế hoạch sản xuất kinh doanh trên là tối thiểu, tùy thuộc tình hình kinh tế trong nước nếu khởi sắc con số tăng trưởng chắc chắn sẽ còn cao hơn.

Tiếp tục chú trọng đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên đặc biệt là những vị trí chủ chốt. Phấn đấu nâng cao năng suất lao động dựa trên cơ sở tốc độ tăng trưởng của công ty sẽ cao hơn mức tăng trưởng nhân sự.

2. **Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2026:**

HĐQT Công ty nhận định năm 2026 là một năm nhiều thử thách đối với nền kinh tế nói chung và với CNCTech Group nói riêng. Để đảm bảo hoạt động của Tập đoàn bám sát theo định hướng chiến lược và hoàn thành các mục tiêu đã đề ra, trong năm 2026, HĐQT sẽ tập trung triển khai các nhiệm vụ trọng yếu sau:

- **Về xây dựng chiến lược:** Cập nhật thông tin xu hướng thị trường, công nghệ để xây dựng, điều chỉnh chiến lược cũng như đưa ra các định hướng kinh doanh giúp Công ty nhanh chóng nắm bắt cơ hội và phát huy thế mạnh để đảm bảo tăng trưởng bền

vững. Đồng thời, rà soát phương pháp, quy trình xây dựng chiến lược để đảm bảo sự thống nhất và thông suốt trong toàn Tập đoàn.

- **Về giám sát hoạt động của Ban Điều hành:** Chỉ đạo, đôn đốc, giám sát Ban Điều hành đảm bảo mọi hoạt động của Tập đoàn và các công ty thành viên bám sát các mục tiêu chiến lược, chương trình hành động đã đề ra.
- **Về xây dựng chính sách:** Chỉ đạo xây dựng, ban hành các chính sách về nhân sự, đầu tư gắn với chiến lược phát triển và các chương trình hành động nhằm đảm bảo thúc đẩy tăng trưởng cho Tập đoàn.
- **Về quản trị:** Rà soát, điều chỉnh và bổ sung các quy định, quy chế quản trị nội bộ nhằm tạo cơ sở cho khuôn khổ quản trị công ty hiệu quả, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, nhà đầu tư và các bên có liên quan, HĐQT cũng chỉ đạo tiếp tục rà soát, điều chỉnh Điều lệ công ty theo hướng đảm bảo các nguyên tắc quản trị cơ bản theo quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế.
- **Về tổ chức nhân sự:** tiếp tục cải thiện, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, chất lượng nguồn nhân lực, tính chuyên nghiệp và kỷ luật của cán bộ, Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao động lực lao động, thu hút chất xám, giữ chân nhân tài và quy hoạch phát triển nguồn lực quản lý, kỹ thuật đảm bảo cho phát triển dài hạn bền vững.

Kết luận:

HĐQT CNCTech Group xin chân thành cảm ơn sự ủng hộ của các Quý cổ đông, các đối tác, các cơ quan quản lý; cảm ơn sự đồng thuận, nỗ lực của Ban Điều hành cùng tập thể cán bộ nhân viên đã giúp CNCTech Group có được kết quả khả quan trong năm 2025 và là động lực để thực hiện thành công kế hoạch 2026 do Đại hội đồng cổ đông giao.

Kính trình và xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về Báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 của HĐQT Công ty.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông TN 2026;
- BKS, Ban TGD;
- CBTT;
- Lưu HĐQT.

**T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



NGUYỄN VĂN HÙNG

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về kết quả kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh 2026

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH

Căn cứ quy định pháp luật hiện hành và yêu cầu thực tiễn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTECH (sau đây gọi là "Công ty"), Hội đồng quản trị ("HĐQT") kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh năm 2026 được trình bày chi tiết trong Báo cáo của Hội đồng Quản trị với các điểm chính như sau:

A. Kết quả thực hiện SXKD hợp nhất năm 2025

Đơn vị tính: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2024 | Năm 2025 (Kế hoạch) | Năm 2025 (Thực hiện) | So sánh | |
|----------------------|----------|---------------------|----------------------|--------------------------------|--------------------------------------|
| | | | | Thực hiện so với Kế hoạch 2025 | Thực hiện 2025 so với Thực hiện 2024 |
| Tổng tài sản | 6.215,4 | 7.000 | 7.399,0 | 105,7% | 119,1% |
| Vốn chủ sở hữu | 2.056,0 | 2.200 | 2.280,1 | 103,6% | 110,9% |
| Doanh thu thuần | 1.637,0 | 1.966 | 2.209,1 | 112,4% | 134,9% |
| Lợi nhuận từ HĐKD | 188,5 | 197 | 211,6 | 107,4% | 112,3% |
| Lợi nhuận trước thuế | 364,9 | 200 | 214,7 | 107,4% | 58,8% |
| Lợi nhuận sau thuế | 306,2 | 183 | 200,5 | 109,6% | 65,5% |

B. Kế hoạch SXKD năm 2026

Đơn vị tính: tỷ đồng

| Chi tiêu | Năm 2025 | KH 2026 | Tỷ lệ (%) |
|--------------------|----------|---------|-----------|
| Tổng doanh thu | 2.212 | 2.650 | 119,8% |
| Lợi nhuận sau thuế | 201 | 265 | 132,2% |
| ROE | 9,25% | 11,17% | 120,8% |
| EPS | 1.684 | 1.964 | 116,6% |

Hoạt động Tài chính – Đầu tư

- Thực hiện chiến lược tài chính và cơ cấu tài chính nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn vốn trong Công ty.
- Tiếp tục tìm kiếm, đánh giá và tham gia đầu tư nhằm gia tăng hiệu quả sử dụng vốn.
- Tiếp tục tìm kiếm cơ hội thực hiện M&A các doanh nghiệp cùng ngành hoặc có mối liên hệ với ngành để nhanh chóng mở rộng hoạt động, chiếm lĩnh thị trường và sử dụng hiệu quả nguồn vốn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông TN 2026;
- BKS, Ban TGD;
- CBTT;
- Lưu HĐQT.

T. M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN VĂN HÙNG



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026 - CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN CNCTECH**

Căn cứ:

- Chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần tập đoàn CNCTech (sau đây gọi tắt là CNCTech/Công ty);
- Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Báo cáo tài chính hợp nhất 2025;
- Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát năm 2025;

Ban Kiểm soát nhất trí thông qua báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2025 và Kế hoạch năm 2026, trình Đại hội đồng cổ đông với các nội dung như sau:

PHẦN A. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025.

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát ("BKS") và Kiểm soát viên ("KSV") năm 2025:

1. Cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát:

Thành viên BKS của Công ty trong năm 2025 có 3 thành viên, cụ thể như sau:

| TT | Họ tên | Nhiệm vụ | Ghi chú |
|-----------|-------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Nguyễn Hồng Nhung | Trưởng ban | Được ĐHĐCĐ bầu và bổ nhiệm tại Cuộc họp thường niên năm 2025 ngày 26/3/2025 (theo Nghị quyết 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-CNCTech) |
| 2 | Lê Thị Vân | Thành viên | Được ĐHĐCĐ bầu tại cuộc họp bất thường lần 1 năm 2025 ngày 01/05/2025 (theo Nghị quyết 0105/2025/NQ-ĐHĐCĐBT) |
| 3 | Nguyễn Phú Hoàng | Thành viên | Được ĐHĐCĐ bầu tại cuộc họp bất thường lần 1 năm 2025 ngày 01/05/2025 (theo Nghị quyết 0105/2025/NQ-ĐHĐCĐBT) |

| | | | |
|--------|-------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - | Nguyễn Thị Thơm | Miễn nhiệm Kiểm soát viên từ 26/3/2025 | Được ĐHĐCĐ thông qua miễn nhiệm vai trò Kiểm soát viên của Công ty tại Cuộc họp thường niên năm 2025 ngày 26/3/2025 (theo Nghị quyết 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-CNCTech) |
| - - | Nguyễn Mạnh Cường Đào Hoàng Việt | Miễn nhiệm Kiểm soát viên từ 01/5/2025 | Được miễn nhiệm theo Nghị quyết 0105/2025/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 1/5/2025. |
| | | | |

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2025, nhân sự của BKS có thay đổi lớn (*miễn nhiệm 3 kiểm soát viên và bầu bổ sung 3 kiểm soát viên*). Tuy nhiên, với sự quan tâm của ĐHĐCĐ, sự hỗ trợ, tạo điều kiện của Hội đồng quản trị ("sau đây viết tắt là HĐQT"), Ban điều hành ("sau đây viết tắt là BĐH"), BKS đã cố gắng, nỗ lực để hoàn thành các công việc/nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao với các nội dung chính như sau:

- Kiểm tra, rà soát, sửa đổi các Quy chế, quy trình nội bộ đã ban hành phù hợp với quy định của pháp luật;

- Chủ động đề nghị và/hoặc phối hợp với các bộ phận có liên quan xem xét, rà soát tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các quyết định, nghị quyết của HĐQT, BĐH hành đảm bảo tuân thủ theo các quy định pháp luật có liên quan, Điều lệ và quy chế nội bộ của Công ty;

- Ban Kiểm soát đã thực hiện phân tích chuyên sâu về tình hình tài chính của Công ty trong nhiệm kỳ đồng thời đưa ra các nhận xét và đề xuất tới Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác điều hành công ty;

- Thảo luận và đóng góp ý kiến/kiến nghị HĐQT, BĐH trong việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2025 của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan, phù hợp với nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua;

- Các thành viên BKS: i). Tham dự đầy đủ các cuộc họp được HĐQT mời tham dự (đối với trường hợp HĐQT họp trực tiếp); ii). Thực hiện nghiêm túc chức năng giám sát hoạt động kiểm phiếu (đối với trường hợp Chủ tịch HĐQT quyết định lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản)

- + Đối với các cuộc họp được HĐQT mời tham dự: Tất cả (3/3) thành viên BKS đều thực hiện dự họp và đưa ra các ý kiến góp ý, kiến nghị phù hợp với Quy định tại Điều lệ, quy chế nội bộ của Công ty;

+ Đối với các cuộc họp được BDH mời tham dự: Tùy tính chất từng cuộc họp, các thành viên Ban Kiểm soát được phân công tham dự phù hợp với tính chất công việc, lịch công tác đảm bảo hiệu quả công việc và tiết kiệm chi phí.

- Các thành viên Ban Kiểm soát: i). Tham gia đầy đủ các cuộc họp thường niên và/hoặc bất thường của Đại hội đồng cổ đông; ii). Thực hiện nghiêm chỉnh chức năng giám sát hoạt động kiểm phiếu (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

II. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, BDH.

Trong năm 2025, BKS đã có sự phối hợp tốt với HĐQT, BDH Công ty, cụ thể:

- BKS được HĐQT mời/ đề nghị tham dự các cuộc họp của HĐQT/giám sát kiểm phiếu lấy ý kiến của HĐQT; Tài liệu/hồ sơ cung cấp cho BKS được đánh giá là đầy đủ, tuân thủ quy định của Công ty; Các thành viên BKS cũng đã nghiêm túc nghiên cứu, tìm hiểu các vấn đề có liên quan và tham gia ý kiến/góp ý/thảo luận trực tiếp tại cuộc họp cũng như đóng góp ý kiến bằng Văn bản/Thư công tác (nếu cần);

- Các thành viên BKS được mời tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp có tính chất quan trọng của BDH (sơ kết, tổng kết hoạt động kinh doanh; các cuộc họp liên quan đến việc thực hiện các cơ chế chính sách mới của ĐHCĐ/HĐQT ...); Các thành viên BKS cũng đã nghiêm túc nghiên cứu, tìm hiểu các vấn đề có liên quan và tham gia ý kiến/góp ý.

III. Kết quả giám sát hoạt động đối với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, BDH

1. Cơ cấu tổ chức của HĐQT Công ty năm 2025:

Trong năm 2025, số lượng thành viên HĐQT thay đổi so với năm 2024 (bổ sung thêm thành viên), đồng thời có sự điều chỉnh đối với chức danh Phó Chủ tịch HĐQT, chi tiết như sau:

| TT | Ví trí/chức danh | Trước 01/05/2025 | Từ 01/05/2025 |
|-----------|-------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 1 | Chủ tịch HĐQT | Nguyễn Văn Hùng | Nguyễn Văn Hùng |
| 2 | Phó Chủ tịch | 1. Nguyễn Trọng Khang 2. Nguyễn Trung Kiên | 1. Đào Hoàng Việt 2. Nguyễn Trung Kiên |
| 3 | Thành viên HĐQT | 1. Vũ Anh Tuấn | 1. Vũ Anh Tuấn 2. Nguyễn Thị Dung (bổ sung ngày 26/3/2025) |

Theo đánh giá của Ban Kiểm soát, việc thay đổi nhân sự đối thành viên HĐQT nêu trên được thực hiện phù hợp với quy định của Pháp luật Doanh nghiệp và Điều Lệ công ty.

- Trên cơ sở nội dung được ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT đã thực hiện lấy ý kiến đối với thành viên HĐQT bằng văn bản đối với nội dung: **i)** miễn nhiệm chức vụ Phó chủ tịch với ông Nguyễn Trọng Khang, bầu giữ chức vụ Phó chủ tịch HĐQT từ ngày 01/05/2025 đối với ông Đào Hoàng Việt; **ii)** bầu bổ sung thành viên HĐQT với bà Nguyễn Thị Dung từ ngày 26/03/2025.

2. Đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2025

Theo đánh giá của BKS, trong năm 2025, HĐQT đã thực hiện đầy đủ và toàn diện các công việc cần thiết để quản trị Công ty, chỉ đạo BĐH cũng như toàn thể nhân viên, người lao động nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ thường niên giao.

IV. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025

1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính:

a. Lựa chọn đơn vị kiểm toán:

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành; được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam (sau đây gọi là Deloitte Việt Nam). Theo đánh giá của BKS, việc thuê đơn vị thực hiện dịch vụ kiểm toán đã được HĐQT, BĐH thực hiện phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ, cụ thể:

+ Theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-CNCTech, ĐHĐCĐ thường niên thông qua: i) Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán BCTC của công ty năm 2025 là Deloitte Việt Nam; ii) Trường hợp cần thiết vì lợi ích Công ty, ĐHĐCĐ giao HĐQT quyết định một đơn vị kiểm toán khác theo hình thức lựa chọn 1 trong 3 đơn vị đủ năng lực theo đệ trình của BĐH Công ty.

+ Theo thông tin cập nhật tại Website chính thức của Bộ tài chính (www.mof.gov) về danh sách kiểm toán viên hành nghề đã được cấp chứng chỉ hành nghề kiểm toán (cập nhật đến ngày 07/03/2026):

- ❖ Bà Phạm Quỳnh Hoa; chức vụ Phó Tổng giám đốc, Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm soát số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0910-2023-001-1;
- ❖ Ông Nguyễn Minh Tuấn, Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm soát số 6193-2023-001-1;

Như vậy: Việc HĐQT lựa chọn Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán BCTC phù hợp với theo Nghị quyết 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-CNCTech của Đại hội đồng cổ đông; Đơn vị kiểm toán được lựa chọn đủ điều kiện thực hiện dịch vụ theo quy định của Bộ Tài chính.

b. Ý kiến của Đơn vị kiểm toán đối với BCTC của Công ty:

Báo cáo Tài chính riêng năm 2025 và Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2025 của Công ty đều được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam. Tất cả các báo cáo nói trên đều được Deloitte cho ý kiến chấp thuận toàn phần

2. Kết quả đánh giá sơ bộ:

Trên cơ sở ý kiến của Kiểm toán viên, BKS nhận thấy các nội dung liên quan đến việc thực hiện lập, kiểm toán BCTC của Công ty tuân thủ các quy định có liên quan, BCTC của Công ty đủ điều kiện để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 xem xét, quyết định thông qua.

Trên cơ sở BCTC năm 2025, Ban kiểm soát thực hiện phân tích, đánh giá một số nội dung cơ bản về tình hình tài chính, hoạt động SXKD của Công ty như sau:

2.1. Tình hình sản xuất kinh doanh:

a) Doanh thu

Tổng Doanh thu của Công ty trong năm 2025 là 2.211,8 tỷ đồng, tăng hơn 574,2 tỷ đồng, tương đương 35% so với năm 2024.

Xét về cơ cấu: Doanh thu BH&CCDV chiếm tỷ trọng 93,7%; Doanh thu tài chính (chủ yếu là lãi từ giao dịch thoái vốn và tiền gửi ngân hàng) và lãi hoạt động liên kết chiếm tỷ trọng 5,9%; Thu nhập khác là 0,4%.

b. Chi phí:

Tổng chi phí liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2025 là 2.143,2 tỷ đồng, trong đó:

- Chi phí giá vốn là: 1.718 tỷ đồng;
- Chi phí tài chính: 224,8 tỷ đồng
- Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp: 193,1 tỷ đồng.
- Chi phí khác: 7,3 tỷ đồng.

c) Hiệu quả:

- Doanh thu thuần là: 2,209,6 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN là 200,5 tỷ đồng;
- EPS (đồng/cổ phiếu) là 1.684 đồng cho thấy khả năng sinh lời trên vốn chủ sở hữu.

2.2. Tình hình tài chính:

| TT | Chỉ tiêu | BCTC năm 2025 hợp nhất (tỷđ) |
|-----------|---------------------|-------------------------------------|
| 1 | Tổng tài sản | 7.399.1 |
| 1.1 | Tài sản ngắn hạn | 2.354.5 |

| TT | Chi tiêu | BCTC năm 2025 hợp nhất (tỷđ) |
|----------|---------------------------------------|------------------------------|
| 1.2 | Tài sản dài hạn | 5.044.6 |
| 2 | Tổng nguồn vốn | 7.399.1 |
| 2.1 | Nợ phải trả | 5.119 |
| - | Nợ ngắn hạn | 2.292 |
| - | Nợ dài hạn | 2.827 |
| 2.2 | Nguồn vốn chủ sở hữu | 2.280.1 |
| 3 | Phân tích chỉ số | |
| 3.1 | Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu | 2.24 |
| 3.2 | Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn | 1,03 |
| 3.3 | Khả năng thanh toán nợ dài hạn | 1,78 |

Từ các chỉ tiêu tài chính cơ bản nêu trên, sau khi xem xét báo cáo kiểm toán do Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte phát hành, Ban kiểm soát có nhận xét như sau:

+ Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu là 2.24 ở mức bình quân ngành, cho thấy mức độ tín nhiệm của Công ty với các tổ chức tín dụng; Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (Tài sản NH/Nợ NH) là 1,03 cho thấy tài sản ngắn hạn đảm bảo các khoản nợ ngắn hạn, Công ty không có rủi ro về khả năng thanh toán; Khả năng thanh toán nợ dài hạn (TS DH/Nợ DH) là 1,78 _ tài sản dài hạn an toàn bảo đảm cho nợ dài hạn;

a. Tài sản

- Quy mô Tổng Tài sản của Công ty thời điểm 31/12/2025 đạt 7.399,1 tỷ đồng, tăng 1.184 tỷđ (tđ 19%) so với đầu kỳ.

b. Nguồn vốn.

Quy mô tổng nguồn vốn của Công ty thời điểm 31/12/2025 là 7.399,1 tỷ đ, vốn chủ sở hữu tăng 225 tỷ (tđ 10,9%) so với đầu kỳ.

3. Báo cáo giao dịch giữa các bên liên quan

Năm 2025

VND

| | |
|-----------------------------------------|-----------------------|
| Bán hàng và cung cấp dịch vụ | 30.606.536.092 |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC | 21.333.358.547 |
| Công ty Cổ phần VinaStartup Vĩnh Phúc | 4.729.965.972 |
| Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long | 2.496.630.503 |
| Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam | 1.354.553.937 |
| Công ty Cổ phần CNCTech Global | 692.027.133 |

| | |
|----------------------------------------------|------------------------|
| Mua hàng hóa, dịch vụ | 94.176.638.470 |
| Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long | 40.358.267.403 |
| Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam | 37.815.168.067 |
| Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương | 16.003.203.000 |
| Mua cổ phần/Góp vốn | 230.794.595.993 |
| Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang | 161.859.769.042 |
| Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long | 48.250.000.000 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn FSI | 20.684.826.951 |
| Thoái vốn | 190.168.000.000 |
| Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc | 147.778.000.000 |
| Công ty Cổ phần Công nghệ cao CNC | 34.890.000.000 |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Pavana | 7.500.000.000 |
| Đi vay | 297.440.349.291 |
| Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long | 102.850.000.000 |
| Công ty Cổ phần CNCTech Bình Dương | 74.800.000.000 |
| Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam | 49.600.000.000 |
| Công ty Cổ phần CNCTech Global | 44.040.349.291 |
| Công ty Cổ phần VinaStartup Vĩnh Phúc | 22.050.000.000 |
| Công ty Cổ phần Arts Group | 2.300.000.000 |
| Công ty TNHH Đầu tư CLI | 1.800.000.000 |
| Trả nợ vay | 499.004.349.291 |
| Công ty Cổ phần VinaStartup Vĩnh Phúc | 333.784.000.000 |
| Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long | 116.490.000.000 |
| Công ty Cổ phần CNCTech Global | 25.810.349.291 |
| Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam | 9.020.000.000 |
| Công ty Cổ phần CNCTech Bình Dương | 4.800.000.000 |
| Công ty Cổ phần Arts Group | 4.300.000.000 |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Pavana | 3.000.000.000 |
| Công ty TNHH Đầu tư CLI | 1.800.000.000 |
| Cho vay | 18.690.000.000 |
| Công ty Cổ phần Arts Group | 11.850.000.000 |
| Công ty Cổ phần Công nghệ cao CNC | 3.600.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương | 2.740.000.000 |
| Công ty Cổ phần MKC Vĩnh Phúc | 500.000.000 |
| Thu hồi cho vay | 86.496.980.821 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn FSI | 54.400.000.000 |
| Công ty Cổ phần Công nghệ cao CNC | 22.822.000.000 |
| Công ty Cổ phần Arts Group | 5.450.000.000 |

| | |
|---------------------------------------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần CNCTech Global | 3.824.980.821 |
| Cổ tức được chia | 99.073.689.609 |
| Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long | 47.112.500.000 |
| Công ty Cổ phần CNCTech Bình Dương | 29.700.000.000 |
| Công ty Cổ phần VinaStartup Vĩnh Phúc | 19.871.794.183 |
| Công ty Cổ phần Các Hệ thống Viễn thông VINECO | 2.389.395.426 |
| Lãi cho vay | 10.757.981.461 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn FSI | 3.916.800.001 |
| Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương | 3.529.850.959 |
| Công ty Cổ phần Thiết bị Dầu khí Việt Mỹ | 2.301.534.246 |
| Công ty Cổ phần Arts Group | 588.082.193 |
| Công ty Cổ phần Công nghệ cao CNC | 319.601.753 |
| Công ty Cổ phần CNCTech Global | 102.112.309 |
| Chi phí lãi vay | 43.914.167.525 |
| Công ty Cổ phần Vinastartup Vĩnh Phúc | 20.164.129.856 |
| Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long | 11.262.029.587 |
| Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ & CNC Việt Nam | 6.120.000.002 |
| Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam | 5.020.961.096 |
| Công ty Cổ phần CNCTech Global | 906.860.692 |
| Công ty Cổ phần CNCTech Bình Dương | 314.169.853 |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Pavana | 63.123.288 |
| Công ty Cổ phần Arts Group | 62.893.151 |

Các giao dịch với bên liên quan phù hợp với giá trị thị trường tại thời điểm giao dịch.

PHẦN B. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026 CỦA BAN KIỂM SOÁT.

Căn cứ vào vai trò, chức năng, nhiệm vụ của BKS; căn cứ diễn biến tình hình thực tế; năm 2026, BKS sẽ phấn đấu thực hiện tốt hơn các nhiệm vụ và quyền hạn của BKS theo quy định của Pháp luật và quy định nội bộ của Công ty, bao gồm các nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Ban Kiểm Soát sẽ tiếp tục thực hiện chức năng giám sát hoạt động quản trị và điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, đảm bảo các quyết định quản lý và điều hành được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

2. Ban Kiểm Soát sẽ thực hiện các hoạt động kiểm tra định kỳ và đột xuất khi cần thiết nhằm kịp thời phát hiện và kiến nghị các biện pháp xử lý đối với những vấn đề tồn tại trong công tác quản lý, điều hành và sử dụng nguồn lực của Công ty;

3. Ban Kiểm Soát sẽ phối hợp với Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành trong việc kiểm tra, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, công tác quản trị rủi ro và tính minh bạch trong quản lý tài chính của Công ty;

PHẦN C. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT.

Căn cứ kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty trong năm tài chính 2025 và trên cơ sở xem xét Báo cáo tài chính năm 2025, Ban Kiểm Soát xin có một số kiến nghị đối với Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành năm 2026 như sau:

1. Tăng cường quản lý dòng tiền và khả năng thanh khoản: Do tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu ở mức cao, Ban Kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban Điều hành xây dựng kế hoạch quản trị dòng tiền chặt chẽ, đảm bảo khả năng thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn

2. Ban Kiểm soát đề nghị Ban Điều hành tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị chi phí, tối ưu hóa nguồn lực và cải thiện hiệu quả sử dụng vốn nhằm gia tăng lợi nhuận cho Công ty và cổ đông.

3. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và công tác quản trị rủi ro nhằm nâng cao tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý doanh nghiệp.

Trên đây là báo cáo của BKS về kết quả hoạt động năm 2025 và định hướng trọng tâm hoạt động năm 2026. BKS xin chân thành cảm ơn các Quý Cổ đông; các thành viên HĐQT, BDH và cán bộ, công nhân viên, người lao động đã phối hợp, tạo điều kiện để BKS thực hiện, hoàn thành công việc do ĐHĐCĐ giao.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông TN 2026;
- BKS, Ban TGD;
- CBTT;
- Lưu HĐQT.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



NGUYỄN HỒNG NHUNG

Số: 0503.04/2026/TT – HĐQT

Phú Thọ, ngày 05 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Về việc: Thông qua Báo cáo tài chính Kiểm toán năm 2025 và lựa chọn Công ty
Kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2026**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 – CÔNG TY CỔ
PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH**

Căn cứ quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech (sau đây gọi tắt là "Công ty"), kết quả kiểm toán năm 2025 và yêu cầu thực tiễn, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tổ chức và hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty (sau đây gọi tắt là "HĐQT") kính trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty (sau đây gọi tắt là "ĐHĐCĐ Công ty") xem xét, thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo tài chính Kiểm toán năm 2025

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 về việc Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán, Hội đồng quản trị công ty đã lựa chọn **Công ty TNHH kiểm toán Deloitte Việt Nam** thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính của kỳ hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech năm 2025.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung báo cáo tài chính đã được kiểm toán của kỳ hoạt động của công ty gồm:

- Báo cáo của kiểm toán.
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025.
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2025.
- Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2025.

(Tài liệu tải về tại đường dẫn: <https://cnctech.vn/> mục Quan hệ Cổ đông)

2. Thông qua việc lựa chọn Công ty Kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2026

HĐQT trình ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2026 là một trong số các công ty kiểm toán hoạt động tại Việt Nam:

- Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO; hoặc



- Một trong các đơn vị kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng.
- 3. Trong trường hợp HĐQT không đàm phán được với các đơn vị nêu trên, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán khác nằm trong danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông TN 2026;
- BKS, Ban TGD;
- CBTT;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN VĂN HÙNG



Số: 0503.05/2026/TT-HĐQT

Phú Thọ, ngày 05 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Về việc Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech ("Công ty") kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 thông qua các nội dung sau đây:

1. Phương án phân phối lợi nhuận:

| STT | NỘI DUNG | Số tiền (VNĐ) |
|-----------|-----------------------------------|----------------|
| A | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 52,496,914,910 |
| B | Thù lao HĐQT, BKS | 1,050,000,000 |
| C | Phân phối lợi nhuận năm 2025 | - |
| I | Trích lập các quỹ | - |
| II | Cổ tức năm 2025 | - |
| D = A-B-C | Lợi nhuận còn lại chưa phân phối | 51,446,914,910 |

1. Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2026

Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2026 từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Phê duyệt việc ủy quyền cho Hội đồng Quản Trị, tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, kế hoạch kinh doanh và đảm bảo tối ưu hóa dòng tiền, được toàn quyền quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc tạm ứng cổ tức năm 2026, bao gồm cả việc có hoặc không thực hiện tạm ứng cổ tức, mức tạm ứng cổ tức, thời gian, phương thức chi trả và các vấn đề khác liên quan đến tạm ứng cổ tức cho cổ đông.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt.

Trân trọng cảm ơn./.



Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông TN 2026;
- BKS, Ban TGD;
- CBTT;
- Lưu HĐQT.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



NGUYỄN VĂN HÙNG



TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về việc: Thông qua chủ trương giao dịch với bên liên quan

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026 - CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN CNCTECH**

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech ("Công ty") kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 thông qua chủ trương giao dịch với người/bên có liên quan năm 2026, cụ thể như sau:

- Thông qua việc ký kết các hợp đồng, giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech trong Báo cáo tài chính công bố tại thời điểm gần nhất, cụ thể như sau:
 - Đối tượng ký kết: Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech với các Công ty con trong cùng hệ thống CNCTech Group.
 - Người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Hợp đồng này phải đem lại hiệu quả kinh tế và lợi ích cho Công ty. Trong trường hợp gây ra thiệt hại cho Công ty, Hội đồng quản trị và người có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh và hoàn trả công ty khoản lợi ích thu được từ việc thực hiện hợp đồng.
 - Nội dung chủ yếu của Giao dịch bao gồm: Giao dịch liên quan đến hoạt động sản xuất, gia công cơ khí chính xác; sản xuất khuôn mẫu, các sản phẩm từ plastic; xây dựng và dịch vụ hạ tầng công nghiệp; mua bán chứng khoán/vốn; nhượng bán, thanh lý tài sản và các khoản đầu tư của Công ty, Công ty con; đầu tư tài chính, đầu tư dự án, giao dịch Vay, cho vay, bảo lãnh, thực hiện các biện pháp đảm bảo không bao gồm việc cấp các khoản vay, bảo lãnh với Cổ đông và người có liên quan theo quy định của Pháp luật.



- Giá trị cụ thể từ giao dịch thực hiện tùy từng thời điểm và từng hoạt động cụ thể, trên cơ sở đảm bảo lợi ích của Công ty.

2. Thời gian thực hiện: Kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua đến kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên tiếp theo. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua trước đây có nội dung trái với tờ trình này sẽ hết hiệu lực kể từ ngày tờ trình này được thông qua.
3. Giao cho Hội đồng quản trị quyết định các hợp đồng, giao dịch đã được thông qua ở trên và chịu trách nhiệm về các hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan.
4. Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch này và có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tiếp theo. Các giao dịch này phải đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Pháp luật về báo cáo và công bố thông tin.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông TN 2026;
- BKS, Ban TGD;
- CBTT;
- Lưu HĐQT.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



NGUYỄN VĂN HÙNG



Số: 0503.07/2026/TT-HĐQT

Phú Thọ, ngày 05 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT
Thông qua thù lao cho thành viên HĐQT và BKS năm 2025 và kế hoạch 2026

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH

1. Hội đồng quản trị ("HĐQT") và Ban kiểm soát ("BKS") trình Đại hội đồng Cổ đông về việc chi trả thù lao năm 2025 như sau:

- Thù lao cho các thành viên HĐQT:
 - + Chủ tịch HĐQT: 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng/tháng)
 - + Phó Chủ tịch HĐQT: 15.000.000 (Mười lăm triệu đồng/tháng)
 - + Thành viên HĐQT: 10.000.000 (Mười triệu đồng/tháng)
- Thù lao cho các thành viên BKS:
 - + Trưởng ban: 8.000.000 (Tám triệu đồng/tháng)
 - + Thành viên: 6.000.000 (Sáu triệu đồng/tháng)

2. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trình Đại hội đồng Cổ đông về việc kế hoạch chi trả thù lao năm 2026 như sau:

- Thù lao cho các thành viên HĐQT:
 - + Chủ tịch HĐQT: 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng/tháng)
 - + Phó Chủ tịch HĐQT: 15.000.000 (Mười lăm triệu đồng/tháng)
 - + Thành viên HĐQT: 10.000.000 (Mười triệu đồng/tháng)
- Thù lao cho các thành viên BKS:
 - + Trưởng ban: 8.000.000 (Tám triệu đồng/tháng)
 - + Thành viên: 6.000.000 (Sáu triệu đồng/tháng)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt.

Trân trọng cảm ơn.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

NGUYỄN HỒNG NHUNG

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

NGUYỄN VĂN HÙNG

Số: 0503.08/2026/TT-HĐQT

Phú Thọ, ngày 05 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về việc: Tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài và thay đổi, bổ sung ngành, nghề đăng ký kinh doanh

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; Luật Doanh nghiệp sửa đổi bổ sung năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 năm 2019 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech;
- Căn cứ các quy định pháp luật có liên quan.

Nhằm thực hiện chiến lược phù hợp với định hướng phát triển của Công ty, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech ("Công ty") kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 thông qua việc tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài lên 49% và thay đổi, bổ sung ngành, nghề đăng ký kinh doanh, cụ thể như sau:

1. Tăng tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài

Mục tiêu cần thực hiện:

- Tăng cường khả năng huy động vốn, mở rộng quy mô hoạt động của Công ty;
- Tăng tính hấp dẫn đối với cổ phiếu của Công ty trên thị trường Chứng khoán;
- Tìm kiếm đối tác chiến lược nước ngoài phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

Trên cơ sở đó, Hội đồng Quản trị đề nghị:

- Tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài của Công ty từ 0% lên 49%;
- Đại hội đồng Cổ đông giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện việc rà soát ngành, nghề kinh doanh và triển khai các thủ tục cần thiết để hoàn tất đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tăng tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài của Công ty lên 49% theo quy định của Pháp luật hiện hành.



2. Điều chỉnh ngành, nghề kinh doanh của Công ty nhằm đáp ứng điều kiện tăng tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài lên 49%

| TT | Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh (mã ngành VSIC) | Tên ngành, nghề kinh doanh hiện tại | Phương án điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung |
|-----------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2) | | (3) |
| 1 | 0141 | Chăn nuôi trâu, bò <i>Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp (CPC 881)</i> | Chăn nuôi trâu, bò <i>Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp (CPC 881) (trừ Nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới)</i> |
| 2 | 0142 | Chăn nuôi ngựa, lừa, la <i>Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp (CPC 881)</i> | Chăn nuôi ngựa, lừa, la <i>Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp (CPC 881) (trừ Nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới)</i> |
| 3 | 0144 | Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai <i>Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp (CPC 881)</i> | Chăn nuôi dê, cừu, hươu, nai và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai <i>Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp (CPC 881) (trừ Nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới)</i> |
| 4 | 0145 | Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn <i>Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp (CPC 881)</i> | Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn <i>Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp (CPC 881) (trừ Nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới)</i> |
| 5 | 0146 | Chăn nuôi gia cầm <i>Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp (CPC 881)</i> | Chăn nuôi gia cầm <i>Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp (CPC 881) (trừ Nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới)</i> |
| 6 | 2220 | Sản xuất sản phẩm từ plastic | Không thay đổi |
| 7 | 2511 | Sản xuất các cấu kiện kim loại | Không thay đổi |

| TT | Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh (mã ngành VSIC) | Tên ngành, nghề kinh doanh hiện tại | Phương án điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung |
|----|----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8 | 2591 | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại | Không thay đổi |
| 9 | 2592 (chính) | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại | Không thay đổi |
| 10 | 2593 | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng | Không thay đổi |
| 11 | 4101 | Xây dựng nhà để ở | Không thay đổi |
| 12 | 4102 | Xây dựng nhà không để ở | Không thay đổi |
| 13 | 4211 | Xây dựng công trình đường sắt | Không thay đổi |
| 14 | 4212 | Xây dựng công trình đường bộ | Không thay đổi |
| 15 | 4221 | Xây dựng công trình điện | Xây dựng công trình điện <i>Chi tiết: Trừ Tuyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội;</i> |
| 16 | 4223 | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc | Không thay đổi |
| 17 | 4229 | Xây dựng công trình công ích khác | Không thay đổi |
| 18 | 4291 | Xây dựng công trình thủy | Xây dựng công trình thủy <i>Chi tiết: Trừ Tuyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội</i> |
| 19 | 4292 | Xây dựng công trình khai khoáng | Không thay đổi |
| 20 | 4293 | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo | Không thay đổi |

| TT | Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh (mã ngành VSIC) | Tên ngành, nghề kinh doanh hiện tại | Phương án điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung |
|----|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 21 | 4299 | <p>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác</p> <p><i>Chi tiết: Dịch vụ cho thuê liên quan đến trang thiết bị xây dựng hoặc tháo dỡ, đập bỏ các công trình xây dựng hay thiết kế dân dụng có người vận hành</i></p> | Không thay đổi |
| 22 | 4311 | Phá dỡ | Không thay đổi |
| 23 | 4312 | Chuẩn bị mặt bằng | <p>Chuẩn bị mặt bằng</p> <p><i>Chi tiết: Trừ Dịch vụ nổ mìn</i></p> |
| 24 | 4321 | Lắp đặt hệ thống điện | Không thay đổi |
| 25 | 4322 | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí | Không thay đổi |
| 26 | 4330 | Hoàn thiện công trình xây dựng | Không thay đổi |
| 27 | 4690 | <p>Bán buôn tổng hợp</p> <p><i>Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn). Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/01/2018.</i></p> | <p>Bán buôn tổng hợp</p> <p><i>Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn). Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/01/2018 (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối);</i></p> |

| TT | Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh (mã ngành VSIC) | Tên ngành, nghề kinh doanh hiện tại | Phương án điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung |
|----|----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 28 | 6202 | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính | Cập nhật thành mã ngành 6220: Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính (do mã ngành 6202 bị xóa theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg) |
| 29 | 6311 | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan | Cập nhật thành mã ngành 6310: Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan (do mã ngành 6311 bị xóa theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg) |
| 30 | 6810 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (phạm vi hoạt động quy định tại khoản 3 Điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản). | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Tư vấn bất động sản; Quản lý bất động sản; Môi giới bất động sản (phạm vi hoạt động quy định tại Điều 74, Điều 75, Điều 63 Luật Kinh doanh bất động sản). - Kinh doanh bất động sản (phạm vi hoạt động quy định tại khoản 3 Điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản). (do mã ngành 6820 bị xóa theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg) |
| 31 | 6810 | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trước là mã 6820) Chi tiết: Tư vấn bất động sản; Quản lý bất động sản; Môi giới bất động sản (phạm vi hoạt động quy định tại Điều 74, Điều 75, Điều 63 Luật Kinh doanh bất động sản). | (do mã ngành 6820 bị xóa theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg) |
| 32 | 7020 | Hoạt động tư vấn quản lý | Không thay đổi |
| 33 | 7211 | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên Chi tiết: Dịch vụ nghiên cứu và phát triển đối với khoa học tự nhiên | Không thay đổi |
| 34 | 7310 | Quảng cáo | Không thay đổi |

| TT | Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh (mã ngành VSIC) | Tên ngành, nghề kinh doanh hiện tại | Phương án điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung |
|----|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | <i>(không bao gồm quảng cáo thuốc lá)</i> | |
| 35 | 7730 | <p>Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác</p> <p><i>Chi tiết: Thực hiện quyền cho thuê hàng hóa (không bao gồm cho thuê tài chính) các hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam. Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/01/2018.</i></p> | Không thay đổi |
| 36 | 8230 | <p>Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại</p> <p><i>Chi tiết: - Tổ chức sự kiện, hội thảo, hội nghị, triển lãm, hội chợ (không được phép thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không dùng chất nổ, chất cháy, hóa chất để làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện hay phim ảnh)</i></p> | Không thay đổi |
| 37 | 8299 | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p><i>Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu. Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số</i></p> | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p><i>Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu. Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số</i></p> |

| TT | Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh (mã ngành VSIC) | Tên ngành, nghề kinh doanh hiện tại | Phương án điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung |
|----|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/01/2018. | 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/01/2018 (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối). |

3. Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech chấp thuận ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc hoàn chỉnh sửa đổi và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, thực hiện các thủ tục đăng ký, thông báo cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật liên quan về tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài và thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trên cơ sở sửa đổi/điều chỉnh/bổ sung ngành nghề kinh doanh mà ĐHCĐ đã phê duyệt.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt và thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông TN 2026;
- BKS, Ban TGD;
- CBTT;
- Lưu HĐQT.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



NGUYỄN VĂN HÙNG



Số: 0503.09/2026/TT-HĐQT

Phú Thọ, ngày 05 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Về việc: Thông qua Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng
Vốn điều lệ năm 2026**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Doanh nghiệp sửa đổi bổ sung năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 - Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 - Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Chứng khoán.
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech;
- Căn cứ tình hình nhu cầu thực tế của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech ("Công ty") kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 thông qua Phương án chào hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng Vốn điều lệ, cụ thể như sau:

1. Số tiền tăng Vốn Điều lệ:

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 916.000.000.000 đồng (Chín trăm mười sáu tỷ đồng).
- Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: 183.200.000.000 đồng (Một trăm tám mươi ba tỷ hai trăm triệu đồng).
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi tăng: 1.099.200.000.000 đồng (Một nghìn không trăm chín mươi chín tỷ hai trăm triệu đồng).

2. Mục đích và hình thức phát hành:

- **Mục đích phát hành:** Đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu năm 2026 để tăng Vốn điều lệ Công ty lên 1.099.200.000.000 đồng (Một nghìn không trăm chín mươi chín tỷ hai trăm triệu đồng) góp vốn vào Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long (công ty do CTCP Tập đoàn CNCTech nắm 94,28% vốn điều lệ) để thanh toán kế ước vay ngân hàng năm 2026 và góp vốn vào Công ty Cổ phần CNCTech Global (công ty do CTCP Tập đoàn CNCTech nắm 92% vốn điều lệ) để thanh toán kế ước vay



ngân hàng năm 2026, đồng thời, nhằm thỏa mãn điều kiện niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ Phần Tập Đoàn CNCTech tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hồ Chí Minh theo qui định tại Luật Chứng Khoán, Nghị Định 155/2020/NĐ – CP và văn bản pháp luật hiện hành liên quan.

- **Hình thức phát hành:** Chào bán cho cổ đông hiện hữu.

(Phương án chi tiết về chào bán cho cổ đông hiện hữu được đính kèm theo Tờ trình này).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt và thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông TN 2026;
- BKS, Ban TGD;
- CBTT;
- Lưu HĐQT.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN VĂN HÙNG



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH

CNCTECH

Integrity | Quality | Delivery

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

Phú Thọ, 05 tháng 03 năm 2026



MỤC LỤC

| | |
|------------------------------------------------------------------|---|
| MỤC LỤC | 1 |
| I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH | 2 |
| II. CĂN CỨ PHÁP LÝ CHO VIỆC PHÁT HÀNH | 2 |
| III. MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC CHÀO BÁN | 2 |
| IV. CHÀO BÁN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU | 3 |
| V. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ PHA LOÃNG CỔ PHIẾU DỰ KIẾN SAU CHÀO BÁN | 5 |
| VI. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN | 6 |
| VII. ỦY QUYỀN | 6 |

HÂN
NC
S.D.N:

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

| | |
|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên Tổ chức phát hành | : CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH |
| Mã cổ phiếu | : CLI |
| Sàn giao dịch | : UPCOM |
| Tên tiếng Anh | : CNCTECH GROUP JOINT STOCK COMPANY |
| Tên viết tắt | : CNCTECH GROUP |
| Trụ sở chính | : Tầng 1, Tòa nhà Vista, Số 4/15 Phố Duy Tân, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| Điện thoại | : 096 8208111 |
| Fax | : |
| Website | : www.cnctech.vn |
| Vốn điều lệ | : 916.000.000.000 đồng |

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ CHO VIỆC PHÁT HÀNH

Căn cứ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 245/2020/NĐ – CP ngày 11/9/2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTECH;
- Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTECH và nhu cầu sử dụng vốn.

III. MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC CHÀO BÁN

Mục đích của việc chào bán cổ phiếu:

1. Góp vốn vào Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long (công ty do CTCP Tập đoàn CNCTech nắm 94,28% vốn điều lệ) để thanh toán kế ước vay ngân hàng năm 2026.
2. Góp vốn vào Công ty Cổ phần CNCTech Global (công ty do CTCP Tập đoàn CNCTech nắm 92% vốn điều lệ) để thanh toán kế ước vay ngân hàng năm 2026.

3. Thỏa mãn điều kiện niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ Phần Tập Đoàn CNCTech tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hồ Chí Minh theo qui định tại Luật Chứng Khoán, Nghị Định 155/2020/NĐ – CP và các qui định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

IV. CHÀO BÁN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU

1. Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTECH
2. Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông chào bán
3. Mệnh giá cổ : 10.000 đồng/cổ phần phần
4. Tổng số cổ : 91.600.000 cổ phần phần đã phát hành
 - 4.1 Số lượng cổ : 0 cổ phần phiếu quỹ
 - 4.2 Số lượng cổ : 91.600.000 cổ phần. phiếu đang lưu hành
5. Tỷ lệ phát hành : 20%
6. Số lượng cổ : 18.320.000 cổ phần phần dự kiến chào bán
7. Tổng giá trị : 183.200.000.000 đồng chào bán theo mệnh giá
8. Vốn điều lệ (dự : 1.099.200.000.000 đồng kiến) sau chào bán
9. Đối tượng chào : Cổ đông hiện hữu của có tên trong danh sách người sở hữu bán chứng khoán tại thời điểm chốt Danh sách cổ đông để thực hiện chào bán do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Việt Nam (VSDC) cung cấp
10. Giá chào bán : 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phần.
11. Tỷ lệ thực hiện : 100:20 (Tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền quyền cho cổ mua cổ phần chào bán thêm cho cổ đông, cổ đông sở hữu 100 cổ phần sẽ được hưởng 20 quyền mua, cứ 01 quyền mua được mua 01 cổ phần chào bán thêm).

12. Phương thức : Theo phương thức thực hiện quyền tại ngày chốt danh sách chào bán cổ đông
13. Chuyển nhượng quyền mua : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định. Quyền mua chỉ được chuyển nhượng một lần, người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba. Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng quyền. Thời hạn và thủ tục cho việc chuyển nhượng quyền này sẽ được quyết định bởi HĐQT và/hoặc Chủ tịch HĐQT.
14. Đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài : ĐHCĐ chấp thuận, ủy quyền/Giao Hội Đồng Quản Trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng qui định tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo qui định của Pháp Luật.
15. Nguyên tắc xác định giá chào bán : Để đảm bảo đợt chào bán thành công, tạo điều kiện cho cổ đông hiện hữu tiếp tục gắn bó lâu dài vào quá trình phát triển Công ty, HĐQT đề xuất mức giá chào bán cổ phiếu là: 10.000 đồng/cổ phần.
16. Phương án làm tròn, xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu từ chối mua : - Giá chào bán: Ủy quyền cho HĐQT quyết định tại thời điểm chào bán nhưng không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- Đối tượng và phương thức phân phối: Giao và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn và quyết định việc phân phối cho nhà đầu tư khác (kể cả cổ đông trong Công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) với nguyên tắc không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và đảm bảo tuân thủ qui định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 và các qui định khác có liên quan của Pháp luật hiện hành.
17. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng : - Cổ phần chào bán cho các cổ đông hiện hữu được tự do chuyển nhượng.
- Cổ phần chào bán cho các đối tượng khác khi cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua, thực hiện không hết quyền mua, cổ phiếu lẻ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Điều kiện và hạn chế chuyển nhượng trên không áp dụng đối với số cổ



phiếu được tổ chức bảo lãnh phát hành mua theo cam kết tại hợp đồng bảo lãnh phát hành..

18. Phương thức : Cổ đông làm thủ tục chuyển quyền mua, đăng ký mua cổ phiếu và thanh toán tiền mua cổ phiếu theo hướng dẫn của Công ty và tổ chức lưu ký chứng khoán.
19. Thời gian chào bán : Dự kiến trong năm 2026, sau khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. ĐHĐCĐ chấp thuận và ủy quyền/giao HĐQT lựa chọn, quyết định thời điểm thực hiện phù hợp.
20. Đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch bổ sung : Thông qua việc đăng ký bổ sung chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch bổ sung chứng khoán tại Sở Giao Dịch Chứng khoán Hà Nội với số lượng cổ phiếu mới phát hành.
21. Đăng ký, thay đổi Giấy đăng ký doanh nghiệp : ĐHĐCĐ chấp thuận và ủy quyền/giao HĐQT thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy đăng ký doanh nghiệp mới sau khi kết thúc đợt chào bán theo đúng qui định.

V. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ PHẠM LÃNG CỔ PHIẾU DỰ KIẾN SAU CHÀO BÁN

Việc chào bán cổ phiếu mới ra công chúng để tăng vốn điều lệ cho Công ty sẽ làm pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phiếu (EPS), pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu và pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu (nếu cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua).

- **Pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS):** Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS) sẽ bị pha loãng do tăng tổng số lượng cổ phiếu lưu hành và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phần mới chưa tạo ra doanh thu và lợi nhuận đáng kể. Rủi ro từ việc EPS bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được, duy trì tốt hoạt động, tăng cường và phát huy thế mạnh của mình để bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục tăng trưởng tốt sau đợt chào bán.
- **Pha loãng giá trị sổ sách:** Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ có thể bị thay đổi phụ thuộc vào tốc độ tăng của giá trị nguồn vốn chủ sở hữu và tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu lưu hành của Công ty.
- **Về tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết:** Công ty thực hiện chào bán thêm cổ phần ra công chúng cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu; do đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị không bị giảm xuống sau đợt chào bán (trừ trường hợp cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm).

VI. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.

1. **Số tiền dự kiến thu từ đợt phát hành cổ phần:** 183.200.000.000 đồng.
2. **Kế hoạch sử dụng vốn:** Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành là 183.200.000.000 đồng được dự kiến sử dụng như sau:

| STT | Mục đích sử dụng vốn | Giá trị dự kiến (đồng) | Thời gian giải ngân dự kiến |
|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------|
| 1 | Bổ sung vốn góp tại Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long (Công ty con do CTCP Tập đoàn CNCTech nắm 94,28% vốn điều lệ) để thanh toán các kế ước vay ngân hàng. | 130.000.000.000 | Trong năm 2026 |
| 2 | Bổ sung vốn góp tại Công ty Cổ phần CNCTech Global (Công ty con do CTCP Tập đoàn CNCTech nắm 92% vốn điều lệ) để thanh toán các kế ước vay ngân hàng. | 53.200.000.000 | Trong năm 2026 |
| Tổng Cộng | | 183.200.000.000 | |

Căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty và số tiền thực tế thu được từ đợt phát hành, ĐHĐCĐ chấp thuận, ủy quyền/giao cho HĐQT xây dựng kế hoạch sử dụng vốn cụ thể, quyết định chi tiết việc phân bổ vốn thu được từ đợt chào bán cổ phần và/hoặc sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung chi tiết phương án sử dụng vốn trên cơ sở đảm bảo lợi ích cho Công ty và cổ đông. Việc thay đổi/điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán phải phù hợp với các quy định pháp luật liên quan và báo cáo cho ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất.

VII. ỦY QUYỀN

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT và/hoặc Chủ Tịch HĐQT và/hoặc Tổng Giám Đốc thực hiện và hoàn tất các thủ tục liên quan đến tăng vốn điều lệ theo phương án nêu trên, bao gồm nhưng không giới hạn:

1. Lựa chọn Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán cổ phiếu, quyết định về mức phí tư vấn và các chi phí khác nhằm hoàn tất các thủ tục theo quy định của pháp luật về việc chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua (nếu cần).
2. Lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện Phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu.
3. Chủ động xây dựng, phê duyệt hồ sơ chào bán chi tiết và giải trình hồ sơ đăng ký chào bán gửi cho UBCKNN và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ

PHẦN
ECH
106839

động việc bổ sung, chỉnh sửa, điều chỉnh hoặc thay đổi Phương án chào bán và các hồ sơ có liên quan theo yêu cầu của UBCKNN và các cơ quan chức năng khác phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và báo cáo lại ĐHĐCĐ trong kỳ họp gần nhất.

4. Quyết định việc điều chỉnh, thay đổi, bổ sung phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số tiền thu được từ đợt chào bán; lựa chọn phương án triển khai, thời điểm giải ngân phù hợp với kế hoạch của Công ty nhằm đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông và Công ty, đồng thời báo cáo cho UBCKNN, công khai nội dung thay đổi trên Website Công ty, thực hiện công bố thông tin và báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp gần nhất.
5. Thông qua phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
6. Thực hiện việc đăng ký bổ sung chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch bổ sung chứng khoán tại Sở Giao Dịch Chứng khoán Hà Nội với toàn bộ số lượng cổ phiếu mới được chào bán thêm theo kết quả chào bán.
7. Thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty liên quan đến việc thay đổi cổ phần, vốn điều lệ tương ứng với số cổ phần, số tiền thu được (tính theo mệnh giá) từ đợt chào bán và đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định.
8. Lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện báo cáo kiểm toán vốn và báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (nếu có).
9. Thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty để hoàn tất việc chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt và thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông TN 2026;
- BKS, Ban TGD;
- CBTT;
- Lưu HĐQT.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN VĂN HÙNG

Số: 0503.10/2026/TT-HĐQT

Phú Thọ, ngày 05 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về việc: Thông qua việc chuyển cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech đang đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Doanh nghiệp sửa đổi bổ sung năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 - Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 - Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Chứng khoán.
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech;
- Căn cứ tình hình nhu cầu thực tế của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech ("Công ty") kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 thông qua Phương án chuyển cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech (Mã chứng khoán: CLI) đang giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), cụ thể như sau:

- Hủy đăng ký giao dịch toàn bộ cổ phiếu CLI trên hệ thống giao dịch Upcom và chuyển sang đăng ký niêm yết tại HOSE;
- Thời điểm dự kiến nộp hồ sơ đăng ký niêm yết: Từ Quý 2/2026. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị và/hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị lựa chọn thời điểm phù hợp để nộp hồ sơ niêm yết.
- Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ đạo và triển khai thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc chuyển cổ phiếu Công ty đang đăng ký giao dịch trên hệ thống Upcom sang niêm yết tại HOSE theo quy định của pháp luật hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt và thông qua.

Trân trọng cảm ơn.



Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông TN 2026;
- BKS, Ban TGD;
- CBTT;
- Lưu HĐQT.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



(Handwritten signature in blue ink)

NGUYỄN VĂN HÙNG



Số: 0503.11/2026/TT-HĐQT

Phú Thọ, ngày 05 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về việc: Thông qua ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát, Quy chế Công bố thông tin, Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và kết hợp trực tiếp với trực tuyến

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Doanh nghiệp sửa đổi bổ sung năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 - Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 - Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech;
- Căn cứ tình hình nhu cầu thực tế của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech ("Công ty") kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 thông qua việc ban hành "Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát, Quy chế Công bố thông tin", cụ thể như sau:

1. Thông qua việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát, Quy chế Công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành; Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và kết hợp trực tiếp với trực tuyến; (Nội dung chi tiết của các Quy chế được đính kèm theo Tờ trình này)
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị triển khai thực hiện và thực hiện điều chỉnh, bổ sung các Quy chế trên theo pháp luật hiện hành và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt và thông qua.

Trân trọng cảm ơn.



Nơi nhận:

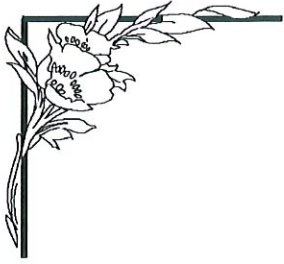
- Đại hội đồng cổ đông;
- BKS, Ban TGD;
- CBTT;
- Lưu HĐQT.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



NGUYỄN VĂN HÙNG





CNCTECH

Integrity | Quality | Delivery

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH



TP Hà Nội, ngàytháng....năm



Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế nội bộ về quản trị công ty ("*Quy chế*") quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty nhằm mục đích bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech ("*Công ty*").

Cụ thể, Quy chế này quy định các nội dung về:

- a) Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc;
- d) Các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Cổ đông, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trừ khi được định nghĩa cụ thể khác trong Quy chế này, những thuật ngữ đã được định nghĩa tại Điều lệ Công ty sẽ có ý nghĩa tương tự như được quy định trong Quy chế này.

Điều 3. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- a) Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty;
- b) Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Điều 14 Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

2.1 Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

- a) Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.

Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam;

b) Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập trong một số trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường có thể do (i) Hội đồng quản trị, hoặc (ii) Ban kiểm soát, hoặc (iii) Cổ đông hay nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% (*Năm phần trăm*) tổng số cổ phần phổ thông trở lên triệu tập. Cụ thể:

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra một trong các trường hợp sau đây, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; hoặc
- Theo yêu cầu của Ban kiểm soát; hoặc
- Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% (*Năm phần trăm*) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên. Theo đó, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% (*Năm phần trăm*) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên được quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp: (i) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; (ii) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã kéo dài hơn 06 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu để thay thế.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo quy định nêu trên thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% (*Năm phần trăm*) tổng số cổ phần phổ thông trở lên của Công ty có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Ngoài ra, Hội đồng quản trị còn có thể triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2.2 Thông báo về việc chốt danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b) Thông báo về việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết/ đăng ký giao dịch và trên trang thông tin điện tử của Công ty.

2.3 Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

- a) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp được thực hiện như sau:

- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ chuẩn bị và gửi hồ sơ thông báo đến Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD) để đề nghị VSD lập và gửi cho Công ty danh sách Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng.
- Hồ sơ đề nghị VSD lập danh sách cổ đông có quyền dự họp được thực hiện theo quy định của VSD được ban hành và có hiệu lực vào thời điểm đề nghị lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.

2.4 Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi đến tất cả các Cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông; đồng thời đăng lên trên trang thông tin điện tử của Công ty và đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết.

Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau: Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong Chương trình họp; Phiếu biểu quyết; Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. Việc gửi tài liệu họp theo Thông báo mời họp có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

2.5 Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

- a) Người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông
 - Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - Nội dung cuộc họp là các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, kèm theo các tài liệu, báo cáo liên quan đến nội dung cuộc họp và/hoặc thông tin của các ứng viên trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát. Chương trình họp phải xác định rõ thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình.
 - Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả Cổ đông có quyền dự họp;
- b) Kiến nghị của Cổ đông đưa vào Chương trình họp
 - Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% (Năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên có quyền kiến nghị vấn đề để đưa vào Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.
 - Kiến nghị phải được lập thành văn bản và được gửi đến Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Công ty (trường hợp Hội đồng quản trị triệu tập họp) hoặc gửi đến Ban kiểm soát (trường hợp Ban kiểm soát triệu tập họp) hoặc gửi đến Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đại diện Công ty triệu tập họp theo quy định tại Khoản 2.1, Điều 3 của Quy chế này chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc để người triệu tập họp

Đại hội đồng cổ đông xem xét, chuẩn bị tài liệu họp cho các kiến nghị này (trong trường hợp kiến nghị được người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận đưa vào Chương trình họp). Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào Chương trình họp và chữ ký của Cổ đông hoặc tất cả các Cổ đông trong nhóm Cổ đông.

- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối các kiến nghị này nếu thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Điều 142 Luật Doanh nghiệp và Khoản 5 Điều 17 Điều lệ Công ty.
- Nếu không thuộc các trường hợp từ chối nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp thuận và đưa các kiến nghị này vào chương trình và nội dung cuộc họp dự kiến. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

2.6 Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

- a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác (“*Người được ủy quyền dự họp*”) tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền dự họp không nhất thiết phải là Cổ đông. Ngoài ra, Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Văn bản ủy quyền không nhất thiết phải được lập theo mẫu của Công ty, nhưng phải đảm bảo được lập theo đúng quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên Cổ đông ủy quyền, tên cá nhân/ tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền;
- b) Người được ủy quyền dự họp phải xuất trình văn bản ủy quyền khi thực hiện thủ tục đăng ký dự họp hoặc có thể gửi trước thông tin về văn bản ủy quyền đến Ban tổ chức trước ngày khai mạc đại hội. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty);
- c) Khi Cổ đông chấm dứt hoặc thay đổi Người được ủy quyền dự họp thì phải thông báo bằng văn bản đến Công ty trước ngày khai mạc đại hội.

2.7 Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

- a) Công ty có quyền áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để Cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- b) Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc bằng nhiều hình thức (miễn việc đăng ký tham dự này được thực hiện trong thời hạn được nêu trong Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông) cụ thể như: (i) Gửi thư điện tử hoặc gửi fax; hoặc (ii) Gửi thư qua đường bưu điện. Trong trường hợp đã đăng ký trước, Cổ đông/Người được ủy quyền dự họp vẫn phải mang theo và xuất trình giấy tờ tùy thân, văn bản ủy quyền và các giấy tờ liên quan cần thiết cho Ban tổ chức đại hội để kiểm tra, đối chiếu;

- c) Trường hợp Cổ đông không đăng ký tham dự họp trước ngày khai mạc, Cổ đông vẫn có thể đăng ký tham dự trực tiếp tại Đại hội;
- d) Trước khi khai mạc cuộc họp, Ban tổ chức phải tiến hành thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Ban tổ chức đại hội sẽ phân công cho một hoặc một số người để thực hiện kiểm tra tư cách Cổ đông (“*Ban kiểm tra tư cách cổ đông*”). Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đến tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông làm thủ tục đăng ký trước khi vào tham dự đại hội và ký tên xác nhận vào danh sách cổ đông tham dự đã được soạn sẵn.
- e) Ban kiểm tra tư cách cổ đông sẽ kiểm tra tư cách cổ đông khi Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp làm thủ tục đăng ký tham dự. Căn cứ vào danh sách cổ đông tham dự đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông sẽ đối chiếu giấy tờ cá nhân của Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp, kiểm tra Thông báo mời họp, văn bản ủy quyền (nếu có). Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để cho Cổ đông đến muộn đăng ký.

2.8 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- a) Để tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thì số Cổ đông và Người được ủy quyền dự họp có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải đáp ứng tỷ lệ tối thiểu theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty;
- b) Trong trường hợp triệu tập họp lần thứ hai và/hoặc lần thứ ba, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không cần lập lại danh sách cổ đông có quyền dự họp và có thể sử dụng danh sách mà VSD đã cung cấp trong lần triệu tập họp thứ nhất;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp lần thứ hai và/hoặc lần thứ ba vẫn sẽ được giữ nguyên như chương trình và nội dung cuộc họp đã được chuẩn bị cho lần họp thứ nhất.

2.9 Cách thức bỏ phiếu

- a) Phiếu biểu quyết sẽ được gửi cho Cổ đông kèm theo Thông báo mời họp hoặc được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc được Ban tổ chức đại hội cấp cho từng Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp tại thời điểm tiến hành thủ tục đăng ký;
- b) Nội dung của Phiếu biểu quyết tùy thuộc vào nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- c) Trong trường hợp nội dung cuộc họp có thực hiện việc bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát thì Công ty sẽ cấp cho Cổ đông Phiếu bầu cử;
- d) Phiếu biểu quyết họp lệ phải thể hiện rõ ý kiến tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề cụ thể và được Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp ký tên họp lệ;
- e) Khi thực hiện biểu quyết xong, Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp bỏ các Phiếu biểu quyết hoặc Phiếu bầu cử vào thùng phiếu được niêm phong để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu;

- f) Ngoài ra, Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp cũng có thể gửi Phiếu biểu quyết đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua thư/fax/thư điện tử. Các Cổ đông được bảo đảm rằng việc biểu quyết bằng hình thức gửi Phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư/fax/thư điện tử có giá trị tương đương với cách thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

2.10 Cách thức kiểm phiếu

Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ vào đề nghị của Chủ toạ cuộc họp. Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm tra các Phiếu biểu quyết và tổng hợp các nội dung sau:

- a) Số Cổ đông và tổng số Phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết;
- b) Số Phiếu biểu quyết hợp lệ và số Phiếu biểu quyết không hợp lệ;
- c) Tổng số Phiếu “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến” đối với từng vấn đề, trong đó các Phiếu biểu quyết trắng sẽ được cộng vào nhóm “không có ý kiến”.

2.11 Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ lập Biên bản kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung sau:

- a) Thời gian và địa điểm diễn ra việc kiểm phiếu;
- b) Thành phần Ban kiểm phiếu;
- c) Tổng số Phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề trong Chương trình họp, số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không ý kiến đối với từng vấn đề; tỷ lệ tương ứng trên tổng số Phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp.
- d) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết tương ứng.

2.12 Điều kiện để Nghị quyết được thông qua

Các vấn đề trong Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu đáp ứng được tỷ lệ thông qua theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.

Đại hội sẽ thực hiện thông qua Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trước khi kết thúc đại hội. Việc thông qua Biên bản họp và toàn văn Nghị quyết sẽ được thông qua bằng hình thức biểu quyết công khai tại đại hội.

2.13 Cách thức hủy bỏ, phản đối Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trường hợp có Cổ đông yêu cầu hủy bỏ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thì sẽ thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.

Trường hợp có Cổ đông phản đối Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty thì sẽ thực hiện theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.

2.14 Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có đầy đủ các nội dung được quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

2.15 Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi nhận tại Nghị quyết đó.

Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu kèm theo (nếu có) phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty và phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi được ban hành.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

3.1 Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông đều có thể thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trừ các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp. Nghị quyết được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua trong trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

3.2 Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

- a) Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Thông báo về việc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản: Hội đồng quản trị thực hiện việc công bố thông tin về việc chốt danh sách Cổ đông để thực hiện việc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- c) Lập danh sách Cổ đông gửi Phiếu lấy ý kiến:
 - Khi có nhu cầu lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản, căn cứ theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sẽ gửi hồ sơ thông báo đến VSD để yêu cầu lập danh sách Cổ đông của Công ty dựa trên dữ liệu của VSD.
 - Danh mục các hồ sơ thông báo theo quy định tại quy chế của VSD được ban hành tùy từng thời điểm.
- d) Phiếu lấy ý kiến và thời hạn gửi Phiếu lấy ý kiến
Hội đồng quản trị chuẩn bị Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết và gửi đến tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày trước thời hạn phải gửi lại Phiếu lấy ý kiến;
- e) Cách thức gửi Phiếu lấy ý kiến
 - Cổ đông có thể gửi Phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử nhưng phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 4 Điều 21 Điều lệ Công ty.
 - Các Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung Phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử là không hợp lệ.
 - Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
- f) Kiểm phiếu và Biên bản kiểm phiếu

- Hội đồng quản trị sẽ thành lập Ban kiểm phiếu để thực hiện việc kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.
- Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung được quy định tại Khoản 5 Điều 21 Điều lệ Công ty;
- g) Thông báo kết quả kiểm phiếu và công bố Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ ban hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến bằng văn bản và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty và phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi được ban hành;
- h) Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản đã được trả lời, Biên bản kiểm phiếu, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo Phiếu lấy ý kiến (nếu có) đều phải được lưu trữ theo quy định của Công ty.

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức trực tuyến

- a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có thể được tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến trong trường hợp xảy ra (i) các sự kiện bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, chiến tranh, bệnh dịch, nổi dậy, bạo động, khủng bố, các quyết định hạn chế hoặc cấm đoán của Nhà nước và/hoặc (ii) các sự kiện khách quan khác mà Hội đồng quản trị xét thấy không thuận tiện và/hoặc không phù hợp để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức họp trực tiếp;
- b) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ban hành Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông để hướng dẫn chi tiết một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến.

Điều 4. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

- a) Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty;
- c) Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty với điều kiện là việc cung cấp thông tin đó phải phục vụ cho mục đích thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị sử dụng sai mục đích hoặc tiết lộ/làm lộ thông tin, thành viên đó sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về toàn bộ các thiệt hại mà Công ty phải gánh chịu.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

2.1 Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho Cổ đông việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị theo phương thức bầu dồn phiếu.

2.2 Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện, ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện, ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 24 và Điều 25 Điều lệ Công ty.

2.3 Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Các trường hợp miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 4 Điều 25 Điều lệ Công ty.

Việc bổ sung thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị giảm quá một phần ba so với số lượng quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật;
- c) Trừ 02 (hai) trường hợp tại điểm a) và điểm b) được quy định trên đây, Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

2.4 Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Tất cả các trường hợp thay đổi thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán.

2.5 Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

- a) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 Điều lệ Công ty có thể giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị;
- b) Hội đồng quản trị sẽ công bố thông tin về ứng viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông để Cổ đông có thể tìm hiểu về ứng viên trước khi bỏ phiếu;
- c) Danh sách ứng viên thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo đáp ứng đủ số lượng và đáp ứng đúng các tiêu chí, tiêu chuẩn của thành viên cần bầu bổ sung, thay thế.
- d) Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật;

2.6 Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong số các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số;
- b) Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày

- kể từ ngày Công ty nhận được văn bản xin từ chức hoặc kể từ ngày Hội đồng quản trị thông qua quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- c) Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được thực hiện theo Quyết định của Hội đồng quản trị.
- 3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.**
Thù lao, thưởng và các lợi ích khác hằng năm của Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông thông qua tuân thủ quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty và công bố theo quy định của Điều lệ Công ty, Pháp luật.
- 4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị**
- 4.1 Số lượng cuộc họp tối thiểu theo quý/ năm**
Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường đề thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc thông qua quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- 4.2 Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường**
Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp các cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường trong trường hợp sau:
- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người điều hành khác;
c) Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
d) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
e) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.
- 4.3 Thông báo họp Hội đồng quản trị**
Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị theo đường bưu điện/ thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị đã đăng ký trước tại Công ty theo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 4.4 Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị**
Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi bảo đảm các điều kiện được quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty.
- 4.5 Cách thức biểu quyết**
Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện biểu quyết theo quy định tại Khoản 9 Điều 29 Điều lệ Công ty.
Trong các cuộc họp trực tiếp/ qua điện thoại, các thành viên Hội đồng quản trị sẽ biểu quyết đồng ý bằng lời nói hoặc giơ tay với từng vấn đề sau khi Chủ tọa nêu vấn đề và kết thúc phân thảo luận.
- 4.6 Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị**
Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua theo quy định tại Khoản 12 Điều 29 Điều lệ Công ty.
- 4.7 Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị**
- a) Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được tất cả các thành viên Hội đồng quản trị chấp nhận;

- b) Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản và thông báo trước cho Hội đồng quản trị để phê duyệt trước khi khai mạc cuộc họp;
- c) Người được ủy quyền dự họp phải xuất trình giấy ủy quyền và giấy tờ pháp lý khác của cá nhân khi tham gia họp Hội đồng quản trị.

4.8 Lập Biên bản họp Hội đồng quản trị

Biên bản họp Hội đồng quản trị phải ghi nhận toàn bộ diễn tiến cuộc họp Hội đồng quản trị một cách đầy đủ, chi tiết, rõ ràng. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập theo quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty.

4.9 Thông báo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

- a) Căn cứ các nội dung được thông qua trong cuộc họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;
- b) Các Nghị quyết, Quyết định sẽ được thông báo cho tất cả thành viên Hội đồng quản trị và thực hiện công bố thông tin phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 5. Ban kiểm soát

1. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, thành viên của Ban kiểm soát

- a) Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty;
- b) Thành viên Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty. Trong đó, có quyền tiếp cận thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

2.1 Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát được quy định tại Điều 37 Điều lệ Công ty.

2.2 Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc tại bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hoặc nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liên trước đó.

2.3 Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị theo các quy định tại Quy chế này và theo Điều lệ Công ty.

2.4 Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng viên trở

lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

2.5 Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Các trường hợp miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát gồm; (i) thành viên Ban kiểm soát không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát của Công ty; (ii) thành viên Ban kiểm soát có đơn từ chức và được chấp thuận; (iii) thành viên Ban kiểm soát không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; (iv) các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Các trường hợp bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát gồm: (i) thành viên Ban kiểm soát không hoàn thành công việc, nhiệm vụ được giao; (ii) theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; (iii) thành viên Ban kiểm soát vi phạm nhiều lần hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; (iv) các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2.6 Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán khi thay đổi, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát, nhận được đơn xin từ chức của thành viên Ban kiểm soát.

2.7 Thù lao của thành viên Ban kiểm soát

Hằng năm, trên cơ sở được Đại hội đồng cổ đông thông qua, các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của Ban kiểm soát. Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà Công ty phải thanh toán, cấp cho từng thành viên Ban kiểm soát được công bố trong báo cáo thường niên của Công ty.

Điều 6. Tổng Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

- a) Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao;
- b) Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế hoạt động của Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

2.1 Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

- a) Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;
- b) Tổng Giám đốc phải đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2.2 Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

- a) Bổ nhiệm
Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người lao động làm Tổng Giám đốc;
- b) Ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc
Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thay mặt Hội đồng quản trị ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác do Hội đồng quản trị quyết định và được thể hiện trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc.

2.3 Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin.

2.4 Chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

Công ty tiến hành chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc sau khi Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Tổng Giám đốc. Việc chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế này và các quy định khác của Công ty (nếu có).

2.5 Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

Điều 7. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1.1 Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ, thường xuyên để thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong mối quan hệ phối hợp với Ban kiểm soát:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị mời Ban kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị;
- b) Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát cùng thời gian gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Tất cả các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và các văn bản có tính quản trị chung do Hội đồng quản trị ban hành đều được gửi đến Ban kiểm soát trong thời hạn quy định theo Quy chế này và Điều lệ Công ty;
- d) Khi Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, Hội đồng quản trị phải phản hồi ý kiến theo quy định của Công ty;
- e) Các nội dung khác cần ý kiến của Ban kiểm soát phải được gửi trong thời hạn quy định và Ban kiểm soát có trách nhiệm phản hồi đầy đủ và đúng hạn.

Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong mối quan hệ phối hợp với Hội đồng quản trị:

- a) Thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận, kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- b) Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, thành viên Ban kiểm soát được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản trị, điều hành và

hoạt động kinh doanh của Công ty bất kỳ lúc nào. Quy trình và thời hạn cung cấp theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- c) Trong cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên Ban kiểm soát quan tâm;
- d) Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận (không trễ hơn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra) gửi cho Hội đồng quản trị để có cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý;
- e) Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả. Đồng thời, Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông và công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
- f) Đối với kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty, Ban kiểm soát phải gửi thông báo bằng văn bản và tài liệu liên quan ít nhất 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày dự định nhận được phản hồi;
- g) Các nội dung khác cần ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày dự định nhận được phản hồi.

1.2 Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

- a) Hội đồng quản trị quyết định chủ trương, chính sách, định hướng và quy chế quản trị làm cơ sở để Tổng Giám đốc triển khai các hoạt động kinh doanh; phê duyệt các kế hoạch, các báo cáo, đề xuất do Tổng Giám đốc đệ trình thuộc thẩm quyền xem xét của Hội đồng quản trị;
- b) Hội đồng quản trị quy định chế độ báo cáo, thông tin làm cơ sở để nắm tình hình hoạt động của Công ty và ra quyết định. Tổng Giám đốc có trách nhiệm duy trì chế độ báo cáo, thông tin đến Hội đồng quản trị kịp thời, đầy đủ, chính xác, tạo điều kiện thuận lợi để Hội đồng quản trị nắm tình hình hoạt động của Công ty;
- c) Tổng Giám đốc có trách nhiệm điều hành các công việc theo Điều lệ Công ty, quyết định, nghị quyết, ủy quyền/ phân công/ chỉ đạo của Hội đồng quản trị/ Chủ tịch Hội đồng quản trị và phù hợp với quy định của pháp luật;
- d) Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành và không hoàn thành những công việc, vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc.

1.3 Phối hợp giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

- a) Trong cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên Ban kiểm soát quan tâm;
- b) Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản gửi đến Tổng Giám đốc để có cơ sở giúp Tổng Giám đốc thực hiện công tác quản lý, điều hành Công ty;
- c) Thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát không

được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác thực hiện các giao dịch liên quan.

2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.

Việc đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác được thực hiện theo các quy định về khen thưởng, kỷ luật được Công ty ban hành từng thời kỳ.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

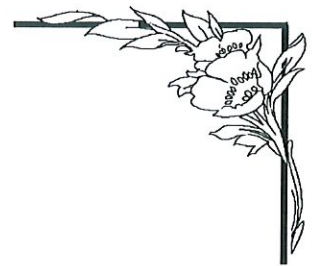
1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26.. tháng 3.. năm 2026.
2. Những vấn đề có liên quan đến quản trị nội bộ của Công ty nếu chưa được đề cập trong Quy chế này, thì được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các văn bản khác của Công ty. Trường hợp có nội dung nào trong Quy chế này trái với các quy định của pháp luật, thì áp dụng theo quy định pháp luật.
3. Ủy quyền Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung Quy chế này trên cơ sở quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



NGUYỄN VĂN HÙNG





CNCTECH
Integrity | Quality | Delivery

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH**



TP Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2026



Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị ("**Quy chế**") quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech ("**Công ty**") nhằm đảm bảo hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng đối với Hội đồng quản trị ("**HDQT**"), các thành viên HDQT, Tổng Giám đốc và các cá nhân, bộ phận có liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trừ khi được định nghĩa cụ thể khác trong Quy chế này, những thuật ngữ đã được định nghĩa tại Điều lệ Công ty sẽ có ý nghĩa tương tự như được quy định trong Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của HDQT

1. HDQT làm việc theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số. Các thành viên của HDQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông ("**DHĐCĐ**"), trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HDQT đối với sự hoạt động của Công ty.
2. HDQT giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HDQT.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HDQT

1. Thành viên HDQT có đầy đủ các quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Thành viên HDQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

- a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên độc lập HĐQT phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do các văn bản nội bộ khác của Công ty quy định.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT

1. HĐQT có 05 (năm) thành viên. Số lượng thành viên HĐQT tại từng thời điểm do HĐQT đề xuất và HĐQT tổ chức triển khai các thủ tục đề cử, ứng cử theo số lượng đề xuất.
2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT tại Công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác. Trường hợp có bất kỳ thành viên HĐQT nào kết thúc nhiệm kỳ thì thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế tại cuộc họp ĐHCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần gần nhất.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Công ty;
 - c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức, trung thực và có ý thức chấp hành pháp luật;
 - d) Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

2. Thành viên độc lập HĐQT theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% (một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e) Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ;
 - f) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

3. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung/thay thế thành viên độc lập HĐQT trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan.

Điều 8. Chủ tịch HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.
2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm Tổng Giám đốc, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - e) Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.
5. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấp đảm nhiệm chức vụ, cấp hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.
4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên độc lập HĐQT giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b Khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 65% trở lên có quyền đề cử số lượng ứng viên tối đa bằng tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
2. Trường hợp tổng số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.
3. Việc bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định theo nguyên tắc dồn phiếu.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện

nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
2. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).
 3. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

1. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ Công ty và ĐHCĐ quy định.
2. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.
3. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHCĐ, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Trừ các trường hợp giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật, HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- a) Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

1. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

Thời hạn triệu tập và trách nhiệm triệu tập ĐHĐCĐ bất thường của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

- e) Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát;
- f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các tiểu ban thuộc HĐQT

1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng có tối thiểu là 03 (ba) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT hoặc thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
2. HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT bất thường trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập HĐQT;
 - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên HĐQT;
 - d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

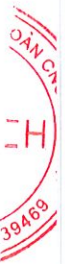
4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.
5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.
6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các cuộc họp HĐQT.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.
9. Thành viên được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.



11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua khi thỏa mãn các quy định của Khoản 17 Điều 30 Điều lệ Công ty.

Điều 17. Biên bản họp HĐQT

1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp HĐQT phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h Khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.
4. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHCĐ báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c Khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.
 3. Báo cáo quy định tại các Khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 (một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên HĐQT của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với Tổng Giám đốc

Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa HĐQT và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Điều khoản thi hành

1. Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26. tháng 03. năm 2026....
2. Các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh và áp dụng Quy chế này có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện đầy đủ các quy định của Quy chế này.
3. Trường hợp các quy định của Điều lệ Công ty liên quan đến HĐQT thay đổi thì Quy chế này cũng sẽ được sửa đổi, bổ sung tương ứng cho phù hợp với các thay đổi trong Điều lệ công ty.
4. Trường hợp có những quy định mới của pháp luật trái với những điều khoản trong Quy chế này hoặc có những quy định tại Quy chế này trái với quy định pháp luật hiện hành liên quan thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của HĐQT Công ty.
5. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung Quy chế này trên cơ sở quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



NGUYỄN VĂN HÙNG





CNCTECH

Integrity | Quality | Delivery

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH



TP Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2026

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế Công bố thông tin này quy định về việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính (Thông tư 68/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020; Thông tư số 08/2026 thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC và thông tư số 18/2025/TT-BTC, Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC, Thông tư số 121/2020/TT0-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC) tại Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech. Đồng thời, quy định việc phối hợp giữa các Phòng/bộ phận/cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp, người nội bộ, cổ đông lớn và các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech trên thị trường chứng khoán.

Điều 2. Giải thích từ viết tắt

Trong Quy chế này, các từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

1. “Công ty” là Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech.
2. “Quy chế” là Quy chế Công bố thông tin này.
3. “CBTT” là Công bố thông tin.
4. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019.
5. “Thông tư 96/2020/TT-BTC” là Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. “ĐHĐCĐ” là Đại hội đồng cổ đông của Công ty.
7. “HĐQT” là Hội đồng quản trị của Công ty.
8. “BKS” là Ban Kiểm soát.
9. “Cổ đông lớn” là Cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.
10. “UBCKNN” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
11. “SGDCK/HNX” là Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
12. “VSD” là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
13. “IDS” là Hệ thống quản lý thông tin công ty thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Điều 3. Giải thích từ ngữ.

1. Người nội bộ của Công ty là:

- Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Người đại diện theo pháp luật, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

- Người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.

2. Ngày công bố thông tin: Là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 5 Quy chế này.

3. Ngày báo cáo về việc công bố thông tin: Là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, phương tiện công bố thông tin của SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

4. Đối với tài liệu dưới dạng văn bản: Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:

- Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.

- Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).

5. Bản scan văn bản dùng CBTT: Phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.

6. Dữ liệu điện tử dùng CBTT: Văn bản, dữ liệu điện tử có định dạng doc/docx/xls/xlsx/pdf (sử dụng bảng mã Unicode).

7. Người công bố thông tin: Là người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.

8. Người có liên quan^[1]: Là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó.

b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó.

c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát.

d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó.

[¹] Theo quy định tại Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.

e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia.

f) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, ngày 17/06/2020.

9. Tổ chức kiểm toán được chấp thuận: Là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin.

1. Việc CBTT của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT thực hiện. Việc CBTT của cá nhân do các nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện. Việc CBTT do người thực hiện CBTT thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 6 – Người công bố thông tin tại Quy chế này.

2. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.

3. Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và Công ty về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

4. Khi công bố thông tin, đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.

5. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, chứng minh nhân dân, hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

6. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 4 Điều 4 Quy chế này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.

Điều 5. Ngôn ngữ và phương tiện công bố thông tin

1. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

công bố thông tin bằng tiếng Việt.

3. Phương tiện công bố thông tin.

3.1. Các thông tin được công bố theo ít nhất 1 trong các hình thức sau:

| STT | Đối tượng tiếp nhận CBTT | Phương tiện CBTT |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Công ty | Chuyên mục về Quan hệ cổ đông (nhà đầu tư) trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.(*) |
| 2 | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước | Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - IDS. |
| 3 | Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội | Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội – CIMS. |
| 4 | Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. | Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. |
| 5 | Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp | Báo in, Báo điện tử... |

3.2. Người CBTT và các cá nhân/bộ phận được phân công thực hiện CBTT của Công ty thông qua các Phương tiện CBTT tại Khoản 1 Điều 5 Quy chế này phải đảm bảo các nguyên tắc:

a) Chịu trách nhiệm bảo mật thông tin đăng ký bao gồm: Tên truy cập, mật khẩu và các thông tin cần thiết khác để đăng nhập và thực hiện CBTT;

b) Thực hiện CBTT theo đúng hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK và/hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.

3.3. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ, Công ty vẫn thực hiện công bố thông tin trên Chuyên mục về Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

Điều 6. Người thực hiện CBTT

1. Việc CBTT của tổ chức cho Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền CBTT thực hiện. Việc ủy quyền CBTT phải được lập thành văn bản và theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 96/2020/TT-BTC. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin do mình hoặc Người được ủy quyền CBTT (trong trường hợp ủy quyền) công bố.

2. Công ty phải đăng ký, đăng ký lại Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền CBTT cùng với Bản cung cấp thông tin của Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền CBTT cho UBCK NN, SGDCK tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác.

2. Công ty báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

3. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Điều 8. Bảo quản, lưu giữ báo cáo, thông tin công bố

Đối tượng CBTT phải có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo như sau:

1. Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu trữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu trữ trên website của các đối tượng CBTT tối thiểu là 05 (năm) năm.

2. Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu trữ trên Website của đối tượng CBTT trong tối thiểu 05 (năm) năm.

Chương II

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Điều 9. Các trường hợp CBTT

1. CBTT định kỳ theo quy định tại Phụ lục 1 Quy chế này.

2. CBTTT bất thường theo quy định tại Phụ lục 1 Quy chế này.

3. CBTT theo yêu cầu theo quy định tại Phụ lục 1 Quy chế này.

4. Các trường hợp khác phải CBTT được quy định tại Phụ lục 2 Quy chế này gồm:

a) Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty;

b) Công bố thông tin liên quan đến giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ;

c) Công bố thông tin liên quan đến giao dịch chào mua công khai;

d) Các CBTT khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

CHƯƠNG III

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 10. Trách nhiệm phối hợp giữa người công bố thông tin và các phòng liên quan.

1. Người công bố thông tin chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với UBCKNN, SGDCK, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

2. Người công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các phòng chức năng cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này. Trưởng các phòng chức năng chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người công bố thông tin.

3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các phòng liên quan (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người công bố thông tin trong vòng 12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện công bố thông tin.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Triển khai thực hiện.

1. Căn cứ vào nội dung Quy chế, các đối tượng có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.

Điều 12. Hiệu lực thi hành.

1. Quy chế này gồm 12 Điều có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.
2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do Hội đồng quản trị quyết định./.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN VĂN HÙNG

**PHỤ LỤC 1: NỘI DUNG CBTT CÁC PHÒNG LIÊN QUAN.
PHỤ LỤC 1.1: PHÒNG PHÁP CHẾ**

| STT | NỘI DUNG | NƠI TIẾP NHẬN/ĐĂNG TẢI THÔNG TIN CÔNG BỐ | THỜI HẠN CBTT | GHI CHÚ |
|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG: | | | | |
| 1 | Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động. | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | Mẫu 17 - CNĐKDN (Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021) |
| 2 | Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp, phá sản doanh nghiệp. | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | |
| 3 | Quyết định thay đổi mã số thuế, tên công ty, con dấu của công ty. | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | |
| 4 | Quyết định thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện. | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | |

| STT | NỘI DUNG | NƠI TIẾP NHẬN/ĐĂNG TẢI THÔNG TIN CÔNG BỐ | THỜI HẠN CBT | GHI CHÚ |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------|
| | | | kiện | |
| 5 | Quyết định về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ. | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | |
| 6 | Công ty nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, công ty gửi cho UBCKNN và SGDCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có). | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | Mẫu 02 – BCCTT (TT 96/2020/TT-BTC) |
| 7 | Công ty nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty. | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | |
| 8 | Công ty nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty. | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDC - Website của Công ty | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | |
| 9 | Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp. | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | |

| STT | NỘI DUNG | NƠI TIẾP NHẬN/ĐĂNG TÀI THÔNG TIN CÔNG BỐ | THỜI HẠN CBTT | GHI CHÚ |
|-----|----------|---------------------------------------------------|------------------|---------|
| | | | kiện | |

PHỤ LỤC 1.2: PHÒNG KẾ TOÁN

| STT | NỘI DUNG | NƠI TIẾP NHẬN/ ĐĂNG TẢI THÔNG TIN CÔNG BỐ | THỜI HẠN CBTT | GHI CHÚ |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| I | CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ: | | | |
| 1 | Báo cáo tài chính (“BCTC”) quý | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 30 ngày , kể từ ngày kết thúc quý. | |
| 2 | BCTC bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 05 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo nhưng không được vượt quá 60 ngày , kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính. | |
| 3 | BCTC năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 10 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo nhưng không được vượt quá 90 ngày , kể từ ngày kết thúc năm tài chính. | |
| 4 | <p>Chú ý khi công bố thông tin BCTC phải giải trình nguyên nhân khi xảy ra 1 trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức kiểm toán đưa ra kết luận kiểm toán/ soát xét không phải là kết luận kiểm toán/ soát xét chấp nhận toàn phần đối với BCTC hoặc BCTC có điều chỉnh hồi tố. - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | Công bố thông tin đồng thời với BCTC cần giải trình | |

| STT | NỘI DUNG | NƠI TIẾP NHẬN/ ĐĂNG TẢI THÔNG TIN CÔNG BỐ | THỜI HẠN CBTT | GHI CHÚ |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| | <p>quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.</p> <p>- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại.</p> <p>- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.</p> | | | |
| 5 | Báo cáo thường niên | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | Chậm nhất 20 ngày, kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính | Mẫu 01 – BCTN (TT 96/2020/TT-BTC |
| 6 | Tài liệu họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | Chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ thường niên (Nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn) | |
| II | CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG (nếu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có)) | | | |
| 7 | Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | |

| STT | NỘI DUNG | NƠI TIẾP NHẬN/ ĐĂNG TẢI THÔNG TIN CÔNG BỐ | THỜI HẠN CBTT | GHI CHÚ |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------|
| | khoản thanh toán; Tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa. | | | |
| 8 | Quyết định mua lại cổ phiếu hoặc bán cổ phiếu quỹ. | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | |
| 9 | Quyết định về mức/hình thức/thời gian trả cổ tức; Quyết định tách, gộp cổ phiếu. | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | |
| 10 | Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ. | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | |
| 11 | Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty. | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | |
| 12 | Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật). | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | |

| STT | NỘI DUNG | NƠI TIẾP NHẬN/ ĐĂNG TẢI THÔNG TIN CÔNG BỐ | THỜI HẠN CBTT | GHI CHÚ |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| | | ty | | |
| 13 | Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); Việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký. | - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | |
| 14 | Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng. | - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | |
| 15 | Khi có sự thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành | - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | | Mẫu 11 – TDCP (QĐ số 21/QĐ- SGDVN ngày 21/12/2021) |
| 15.1 | Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán. | - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | |
| 15.2 | Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch | - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | |

| STT | NỘI DUNG | NƠI TIẾP NHẬN/ ĐĂNG TẢI THÔNG TIN CÔNG BỐ | THỜI HẠN CBTT | GHI CHÚ |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| | cổ phiếu quỹ. | ty | | |
| 15.3 | Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo chương trình lựa chọn của người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. | - UBCKNN - SGDCCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin | |
| 16 | Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng gần nhất được soát xét. | - UBCKNN - SGDCCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | |
| 17 | Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế. | - UBCKNN - SGDCCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | |
| 18 | Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ. | - UBCKNN - SGDCCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | |
| 19 | Quyết định góp vốn đầu tư vào dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại BCTC hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc | - UBCKNN - SGDCCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | |

| STT | NỘI DUNG | NƠI TIẾP NHẬN/ ĐĂNG TẢI THÔNG TIN CÔNG BỐ | THỜI HẠN CBTT | GHI CHÚ |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| | BCTC hợp nhất bán niên gần nhất được soát xét. | ty | | |
| 20 | Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. | - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 10 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới. | |
| 21 | Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết | - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | |
| III | CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG KHÁC: | | | |
| 22 | Tổng tài sản (ghi trong sổ kế toán) giảm hơn 10% do mua lại cổ phiếu của chính mình. | - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | CBTT và báo cho các chủ nợ trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn tất thanh toán | |



PHỤ LỤC 1.3: NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN.

Người công bố thông tin ngoài việc tiếp nhận hồ sơ, tài liệu từ các phòng ban liên quan để thực hiện CBTT đồng thời thực hiện các nội dung sau:

| STT | NỘI DUNG | NƠI TIẾP NHẬN/ĐĂNG TẢI THÔNG TIN CÔNG BỐ | THỜI HẠN CBTT | GHI CHÚ |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I | CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ: | | | |
| 1 | Báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên. | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | Chậm nhất 30 ngày , kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch | Mẫu 03 - BCQT (TT 96/2020/TT-BTC) |
| 2 | Báo cáo tình hình quản trị công ty năm. | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | Chậm nhất 30 ngày , kể từ ngày kết thúc năm dương lịch | |
| 3 | Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty | <ul style="list-style-type: none"> - SGDCK | Gửi kèm Báo cáo tình hình quản trị công ty | Mẫu 07 - CBTT/SGDHN (QĐ số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/09/2016) 01 BC theo mẫu và 01 bản dữ liệu Excel |
| 4 | Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội. | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng | |
| 5 | Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và bộ tài liệu thông qua tại Đại hội. | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN | Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua và Biên bản họp Nghị quyết ĐHĐCĐ thường | |

| STT | NỘI DUNG | NƠI TIẾP NHẬN/ĐĂNG TẢI THÔNG TIN CÔNG BỐ | THỜI HẠN CBTT | GHI CHÚ |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | - SGDCK, Website Cty | niên | |
| 6 | Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 06 tháng đầu năm dương lịch. | - SGDCK | Chậm nhất là ngày 30/07 (<i>Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/6</i>) | Mẫu 06 – DSCĐ NN, CCL (QĐ số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/09/2016) 01 BC theo mẫu và 01 bản dữ liệu Excel |
| 7 | Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 06 tháng cuối năm dương lịch. | - SGDCK | Chậm nhất là ngày 30/01 (<i>Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/12</i>) | |
| II | CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG: | | | |
| 8 | Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của ĐHĐCĐ, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). | - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | |

| STT | NỘI DUNG | NƠI TIẾP NHẬN/ĐĂNG TẢI THÔNG TIN CÔNG BỐ | THỜI HẠN CBTT | GHI CHÚ |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | <p>Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.</p> | | | |
| 9 | <p>Trường hợp lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản, phải gửi lại phiếu ý kiến, công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.</p> | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | <p>Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến</p> | |
| 10 | <p>Quyết định ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu.</p> | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | <p>Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện</p> | |
| 11 | <p>Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.</p> | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | <p>Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện</p> | |
| 12 | <p>Trường hợp bổ nhiệm người nội bộ mới, Công ty công bố Bản cung cấp thông tin về thay đổi người nội bộ.</p> | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCK | <p>Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu 02 - BCCTT (Thông tư 96/2020/TT-BTC) - Mẫu 08 - TBTDNS (Quyết định số 21/QĐ-SGDVN) |

| STT | NỘI DUNG | NƠI TIẾP NHẬN/ĐĂNG TẢI THÔNG TIN CÔNG BỐ | THỜI HẠN CBTT | GHI CHÚ |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| | | | | ngày 21/12/2021) |
| 13 | Trường hợp có sự thay đổi người có liên quan của người nội bộ, Công ty báo cáo về thay đổi người có liên quan của người nội bộ. | - SGDCK | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | Mẫu 09 - TB (Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021) |
| 14 | Trường hợp thành viên HĐQT, Kiểm soát viên có đơn xin từ nhiệm khi chưa được thông qua tại ĐHCĐ, tổ chức niêm yết thực hiện công bố đơn xin từ nhiệm trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được đơn xin từ nhiệm. | - UBCKNN - SGDCK | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | |
| 15 | Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó. | - UBCKNN - SGDCK - Website cty | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | |
| 16 | Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty. | - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | |
| 17 | Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài. | - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | |

| STT | NỘI DUNG | NƠI TIẾP NHẬN/ĐĂNG TẢI THÔNG TIN CÔNG BỐ | THỜI HẠN CBTT | GHI CHÚ |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| | | | kiện | |
| 18 | Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn) | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện | |
| 19 | Đối với các sự kiện cần có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền. | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | Công bố thông tin theo quy định kể từ khi ban hành Nghị quyết/Quyết định và công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền. | |
| III | CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU (phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có)) | | | |
| 20 | Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư. | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu | |
| 21 | Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó. | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCK - Website của Công ty | Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu | |

| STT | NỘI DUNG | NƠI TIẾP NHẬN/ĐĂNG TÀI THÔNG TIN CÔNG BỐ | THỜI HẠN CBTT | GHI CHÚ |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| IV | CBTT LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY ĐĂNG KÝ CUỐI CÙNG THỰC HIỆN QUYỀN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU: | | | |
| 22 | Ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu và các tài liệu liên quan. | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCK - VSDC - Website của Công ty | <p>Chậm nhất 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ)</p> <p>Chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện các quyền khác)</p> | |
| 23 | Trường hợp hủy nội dung thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện và ngày đăng ký cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của SGDCK, CBTT và gửi thông báo nếu rõ lý do hủy. | -SGDCK | Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng | |
| V | CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG KHÁC: | | | |
| 24 | Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, | - UBCKNN | Theo quy định pháp | |

| STT | NỘI DUNG | NƠI TIẾP NHẬN/ĐĂNG TẢI THÔNG TIN CÔNG BỐ | THỜI HẠN CBTT | GHI CHÚ |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| | đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn. | <ul style="list-style-type: none"> - SGDCCK - Website của Công ty | <p>luật về chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán</p> | |
| 25 | Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài. | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCCK - Website của Công ty | <p>Theo quy định pháp luật CK hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên TTCK Việt Nam</p> | |
| 26 | Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ. | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCCK - Website của Công ty | <p>Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ</p> | |
| 27 | Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty thông báo cho tất cả các chủ nợ biết. | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCCK - Website của Công ty | <p>Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua cổ phiếu</p> | |

PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTĐ CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC.

I. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NHÓM NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SỐ CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT CỦA CÔNG TY:

| STT | NỘI DUNG | NƠI TIẾP NHẬN/ĐĂNG TẢI THÔNG TIN CÔNG BỐ | THỜI HẠN CBTĐ | GHI CHÚ |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| 1 | Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết. | <ul style="list-style-type: none">- UBCKNN- SGDCCK- Công ty | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn | Mẫu 13 – CĐL (Thông tư 96/2020/TT- BTC) |
| 2 | Cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết. | <ul style="list-style-type: none">- UBCKNN- SGDCCK- Công ty | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi | Mẫu 14 – CĐL (Thông tư 96/2020/TT- BTC) |
| 3 | Công ty công bố thông tin về các trường hợp tại mục 1, 2 nêu trên | <ul style="list-style-type: none">- Website của Công ty | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của các đối tượng tại mục 1, 2, nêu trên. | |

Ghi chú: Không áp dụng CBTT đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ năm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

Ví dụ: nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết X. Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ năm giữ cổ phiếu X từ 5,2% lên 5,7%. Tiếp sau đó, vào ngày T', ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ năm giữ cổ phiếu X từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy, trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch chứng khoán, ông A phải công bố thông tin và báo cáo công ty X, UBCKNN và Sở giao dịch chứng khoán về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.

II. CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ :

| STT | NỘI DUNG | NƠI TIẾP NHẬN/ĐĂNG TẢI THÔNG TIN CÔNG BỐ | THỜI HẠN CBTT | GHI CHÚ |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| 1 | <p>Người nội bộ của công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác).</p> | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCK - Công ty | <p>Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc</p> | <p>Mẫu 15 – GD NNB (TT 96/2020/TT- BTC)</p> |

| STT | NỘI DUNG | NƠI TIẾP NHẬN/ĐĂNG TẢI THÔNG TIN CÔNG BỐ | THỜI HẠN CBTT | GHI CHÚ |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 2 | Người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có). | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCK - Công ty | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch. | Mẫu 16 – GD NNB (TT 96/2020/TT-BTC) |
| 3 | Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch có phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty phải báo cáo về việc này. | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCK - Công ty | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi | |
| 4 | Công ty công bố thông tin về các trường hợp tại mục 1, 2, 3 nêu trên | <ul style="list-style-type: none"> - Website của Công ty | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của các đối tượng tại mục 1, 2, 3 nêu trên. | |

Ghi chú:

- NNB của Công ty và NCLQ của NNB không được đồng thời đăng ký giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.

- NNB của Công ty và NCLQ của NNB chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.
- Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là NNB của Công ty và NCLQ của NNB, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định.
- Trường hợp công ty mẹ hoặc các tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (công đoàn, đoàn thanh niên...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty thực hiện giao dịch cổ phiếu phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ.

III. CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH CHÀO MUA CÔNG KHAI

| STT | NỘI DUNG | NƠI TIẾP NHẬN/ĐĂNG TẢI THÔNG TIN CÔNG BỐ | THỜI HẠN CBTT | GHI CHÚ |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1 | Công ty có trách nhiệm CBTT về việc nhận được đề nghị chào mua công khai của Tổ chức/cá nhân. | <ul style="list-style-type: none"> - Website Công ty - SGDCK | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai | |
| 2 | HĐQT Công ty phải CBTT cho cổ đông, nhà đầu tư về đánh giá, khuyến nghị đối với đề nghị chào mua công khai của Tổ chức/ cá nhân. Đánh giá, khuyến nghị của HĐQT đối với việc chào mua công khai cổ phiếu phải được thể hiện bằng văn bản. Trường hợp một hoặc một số thành viên HĐQT có ý kiến khác, HĐQT phải công bố kèm theo các ý kiến này. | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - Website Công ty | Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai | |

PHỤ LỤC 3: CÁC BIỂU MẪU.

1. **Báo cáo thường niên** – Phụ lục IV - Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.
2. **Bản cung cấp thông tin người nội bộ** – Phụ lục III - Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.
3. **Báo cáo quản trị 06 tháng đầu năm/năm** – Phụ lục V - Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.
4. **Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán** - Mẫu số 01 - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.
5. **Thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu** - Mẫu 07/THQ - Quyết định 109/QĐ-VSD ngày 20/8/2021.
6. **Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ công ty** - Mẫu 01_CBTT/SGDHCM - QĐ số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/09/2016.
7. **Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty** - Mẫu 09_CBTT/SGDHN - QĐ số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/09/2016.
8. **Thay đổi người nội bộ** - Phụ lục I - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021
9. **Thay đổi người có liên quan của người nội bộ** - Phụ lục II - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021.
10. **Đăng ký mô hình công ty và loại báo cáo tài chính** - Phụ lục IV - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021.
11. **Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành** - Phụ lục V - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021.
12. **Công bố thông tin bất thường** - Phụ lục VI - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021.
13. **Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn** - Phụ lục VII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.
14. **Báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty khi có thay đổi số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết** - Phụ lục VIII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.
15. **Thông báo Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của của người nội bộ** - Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV - Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.
16. **Báo cáo Kết quả giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ** - Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI - Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.
17. **Thông báo thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp** - Phụ lục III - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021.





CNCTECH

Integrity | Quality | Delivery

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH



TP Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2026



Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát ("*Quy chế*") quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát và các Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung năm 2025 ("*Luật Doanh nghiệp*"), Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech ("*Điều lệ công ty*") và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng đối với Ban Kiểm soát và các Kiểm soát viên, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II **KIỂM SOÁT VIÊN**

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.



5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên

1. Ban Kiểm soát có 03 (ba) thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó;
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 6. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.
2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

1. Việc đề cử, ứng cử Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Điều lệ công ty.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 (sáu) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 (bốn mươi) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường hợp Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

- c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện
2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 (hai phần ba) số Kiểm soát viên.

Ban Kiểm soát có thể được triệu tập bất thường để kịp thời giải quyết các công việc đột xuất.

Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị;

- b) Ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng quản trị;
- c) Trưởng Ban Kiểm soát;
- d) Ít nhất 2/3 số thành viên của Ban Kiểm soát;
- e) Tổng Giám đốc;

Đề nghị nêu tại điểm a, b, d và e khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.
3. Trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm a, b, d và e khoản 1 Điều này, Trưởng Ban Kiểm soát hoặc Kiểm soát viên được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường. Trường hợp sau hai (02) lần đề nghị liên tiếp mà Trưởng Ban Kiểm soát hoặc Kiểm soát viên được ủy quyền không triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát tiến hành họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban Kiểm soát và bầu một Kiểm soát viên đáp ứng tiêu chí theo quy định tại Điều lệ Công ty làm Trưởng Ban.
4. Các cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành ở địa chỉ trụ sở chính của Công ty, họp trực tuyến hoặc các địa điểm khác do Trưởng Ban Kiểm soát hoặc Kiểm soát viên được ủy quyền quyết định.

Điều 15. Trình tự tổ chức và tiến hành họp Ban kiểm soát

1. Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành sau 05 (năm) ngày kể từ khi gửi thông báo cho các thành viên Ban Kiểm soát. Thông báo về cuộc họp được lập bằng tiếng Việt, gồm các nội dung chính: chương trình họp, thời gian, địa điểm kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Trường hợp có đủ tất cả thành viên Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp hoặc ủy quyền thì các thủ tục triệu tập họp Ban Kiểm soát đều được mặc nhiên coi là hợp pháp.
2. Trường hợp không thể tham dự cuộc họp của Ban Kiểm soát, mỗi Kiểm soát viên có quyền gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản hoặc ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Ban Kiểm soát khác. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải được đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tọa cuộc họp chậm nhất 01 (một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả các thành viên dự họp. Trường hợp triệu tập họp Ban Kiểm soát lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban Kiểm soát lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày tiếp theo. Sau hai lần triệu tập họp Ban Kiểm soát mà vẫn không đủ số thành viên tham dự trừ trường

hợp bất khả kháng, Trưởng Ban Kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng quản trị biết và đề nghị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban Kiểm soát.

3. Biểu quyết:

- a) Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có 01 (một) phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát.
- b) Từng thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm công bố trước Ban Kiểm soát về các vấn đề liên quan trách nhiệm, quyền lợi của mình theo Quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Kiểm soát viên có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty) với vấn đề được biểu quyết sẽ không được tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền cho Kiểm soát viên khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

4. Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận, trường hợp có số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía Trưởng Ban hoặc thành viên được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp.

5. Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định một vấn đề, quyết định này có giá trị tương đương với quyết định được thông qua tại cuộc họp thông thường nếu:

a) Số lượng thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát;

b) Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề được đưa ra xin ý kiến.

6. Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào Biên bản. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban Kiểm soát dự họp kí tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của biên bản. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát cho các Kiểm soát viên và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung Biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi Biên bản.

Chương V **BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm



Các Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng Kiểm soát viên.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Kiểm soát viên của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các Kiểm soát viên chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với Kiểm soát viên hoặc với những người có liên quan của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên

Các Kiểm soát viên có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các Kiểm soát viên.

Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành



Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THỰC HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 03 năm 2026
2. Các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh và áp dụng Quy chế này có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện đầy đủ các quy định của Quy chế này.
3. Trường hợp các quy định của Điều lệ Công ty liên quan đến Ban Kiểm soát thay đổi thì Quy chế này cũng sẽ được sửa đổi, bổ sung tương ứng cho phù hợp với các thay đổi trong Điều lệ công ty.
4. Trường hợp có những quy định mới của pháp luật hoặc có những quy định tại Quy chế này trái với quy định pháp luật hiện hành liên quan thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty.
5. Ủy quyền cho Ban kiểm soát sửa đổi, bổ sung Quy chế này trên cơ sở quy định của pháp luật.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



NGUYỄN HỒNG NHUNG

TECH
★



CNCTECH

Integrity | Quality | Delivery

QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN VÀ KẾT HỢP TRỰC TIẾP VỚI TRỰC TUYẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH

*(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị công ty, đã được Đại hội đồng cổ đông
thông qua ngày 26. tháng 3... năm 2026.)*

TP Hà Nội, ngày 26. tháng 3. năm 2026



CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến ("**Quy chế**") quy định về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung năm 2025 ("**Luật Doanh nghiệp**"), Luật Chứng khoán năm 2019 ("**Luật Chứng khoán**"), Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech ("**Điều lệ Công ty**") và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng đối với cổ đông, các bên tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp với trực tuyến.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

- a. "Đại hội đồng cổ đông trực tiếp" là cuộc họp đại hội đồng cổ đông (sau đây gọi là ĐHĐCĐ) thường niên hoặc bất thường được tổ chức theo phương pháp truyền thống, Ban tổ chức ĐHĐCĐ và các cổ đông cùng có mặt tại một địa điểm họp đã được thông báo trước cho cổ đông để tiến hành toàn bộ chương trình họp.
- b. "ĐHĐCĐ trực tuyến" là các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường, được tổ chức dưới hình thức tham dự thông qua mạng internet để cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của đại hội, thảo luận và thực hiện các quyền biểu quyết hoặc bầu cử của mình.
- c. "ĐHĐCĐ kết hợp trực tiếp và trực tuyến" là cuộc họp được tổ chức bao gồm cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến trong cùng một kỳ ĐHĐCĐ quy định tại Quy chế nội bộ về Quản trị công ty, Điều lệ Công ty.
- d. "Bỏ phiếu trực tuyến (bỏ phiếu điện tử)" là việc cổ đông dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến thực hiện biểu quyết hoặc bầu cử thông qua hệ thống bỏ phiếu trực tuyến do Công ty quy định và thông báo.
- e. "Hệ thống bỏ phiếu trực tuyến" là hệ thống cung cấp cho cổ đông dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến các công cụ để thực hiện các quyền liên quan khi tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến.
- f. "Yếu tố định danh" là những thông tin cần thiết để xác định chính xác cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là người có quyền dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến.
- g. "Tài khoản truy cập" bao gồm thông tin tên truy cập (username), mật khẩu (password) và/hoặc các phương tiện xác thực khác (nếu có) được Công ty cấp duy nhất cho từng cổ đông.

CHƯƠNG II ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN

Điều 3. Triệu tập và Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Căn cứ theo tình hình thực tế, Hội đồng quản trị quyết định triệu tập đại hội theo hình thức ĐHĐCĐ trực tuyến hoặc ĐHĐCĐ trực tuyến kết hợp trực tiếp theo quy định tại Quy chế này. Trường hợp tổ chức đại hội có hình thức trực tuyến, Hội đồng quản trị được chủ động triển khai các thủ tục, công việc để phục vụ cho việc tổ chức trực tuyến.

Việc triệu tập và thông báo họp ĐHĐCĐ trực tuyến được thực hiện theo các quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty như cuộc họp ĐHĐCĐ trực tiếp.

Điều 4. Điều kiện, cách thức cổ đông tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Điều kiện tham gia:

- Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
- Người đại diện hợp pháp của cổ đông, bao gồm đại diện theo pháp luật và đại diện theo ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Yêu cầu kỹ thuật:

- Cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...) và đảm bảo kết nối internet ổn định trong suốt quá trình ĐHĐCĐ trực tuyến diễn ra.
- Cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến cung cấp chính xác địa chỉ email, số điện thoại di động để nhận tài khoản truy cập tham gia ĐHĐCĐ trực tuyến từ hệ thống bỏ phiếu điện tử. Cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông tự chịu trách nhiệm về độ chính xác của thông tin đã cung cấp.

3. Cách thức thực hiện:

Cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến truy cập đường dẫn, đăng nhập theo các thông tin được cung cấp theo quy định tại Điều 5 Quy chế này để tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.

Điều 5. Cung cấp tài khoản truy cập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tài khoản truy cập tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo hoặc thư mời họp ĐHĐCĐ (hoặc hình thức thông báo khác do Hội đồng quản trị quyết định, tùy vào từng thời điểm thông báo họp nhưng phải đảm bảo nghĩa vụ thông báo họp ĐHĐCĐ theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty).
2. Cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến phải có trách nhiệm bảo mật tài khoản truy cập được cấp để đảm bảo rằng chỉ có người đó mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu điện tử trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.
3. Khi Cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến có yêu cầu cung cấp lại tài khoản truy cập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/ điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin qua email hoặc điện thoại được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền dự họp do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty hoặc địa chỉ email của người đại diện theo pháp luật tại thời điểm có yêu cầu cấp lại hoặc địa chỉ email của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến thể hiện tại Giấy ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ hợp lệ đã gửi về Công ty.
4. Cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến sử dụng tài khoản truy cập để đăng nhập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử để theo dõi cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung của chương trình cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.

Điều 6. Cách thức ghi nhận Cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến

Cổ đông được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi cổ đông thực hiện truy cập vào hệ thống bằng tài khoản truy cập được cung cấp theo Điều 5 Quy chế này và đã thực hiện “xác nhận tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến” tại hệ thống bỏ phiếu điện tử hoặc phương thức xác nhận khác theo quy định của mỗi kỳ Đại hội.

Hội đồng quản trị có quyền ban hành các Quy chế tổ chức, hướng dẫn cần thiết phục vụ cho công tác tổ chức Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử phù hợp với hệ thống của đơn vị cung cấp dịch vụ trực tuyến khi tổ chức Đại hội.

Điều 7. Quy định về ủy quyền trực tuyến

1. Việc ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty như đối với ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ trực tiếp.
2. Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số Chứng minh nhân dân hoặc số Căn cước công dân, số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tài khoản truy cập đối với bên nhận ủy quyền.

3. Hiệu lực của ủy quyền: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin đăng ký ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thao tác ủy quyền trên hệ thống bỏ phiếu trực tuyến.
 - Thẻ thức văn bản ủy quyền tuân thủ quy định Điều lệ Công ty và pháp luật Dân sự.
 - Công ty nhận được Văn bản ủy quyền bản chính trước lúc đại hội khai mạc.
4. Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi bản gốc văn bản đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến về trụ sở Công ty trước thời điểm đại hội khai mạc chính thức. Thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời điểm Công ty nhận được bản gốc văn bản đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.
5. Mọi trường hợp hủy ủy quyền trực tuyến không đáp ứng quy định tại khoản 4 Điều này đều không được công nhận và không có giá trị pháp lý.

Điều 8. Thời gian bỏ phiếu điện tử

Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức Đại hội và thực hiện theo thông báo của Ban tổ chức Đại hội. Cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu kể từ thời điểm được thông báo bắt đầu bỏ phiếu cho đến khi BTC thông báo hết thời gian biểu quyết theo từng nội dung tại ngày diễn ra Đại hội, trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu trực tuyến, hệ thống không ghi nhận thêm bất cứ kết quả bỏ phiếu nào.

Điều 9. Các thức bỏ phiếu điện tử

1. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

Cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến thực hiện quyền bỏ phiếu theo hướng dẫn tại Quy chế tổ chức Đại hội đã được ĐHĐCĐ thông qua. Cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết (i) Tán thành, (ii) Không tán thành hoặc (iii) Không có ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu. Sau đó, Cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu ghi nhận kết quả.
2. Các thức bỏ phiếu bầu cử:

Cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến thực hiện việc bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu (bầu dồn đều phiếu hoặc bầu ghi số) quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Việc tiến hành bầu cử thực hiện theo Thẻ lệ bầu cử được ĐHĐCĐ thông qua. Theo đó, Cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô “Bầu dồn đều phiếu” hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số

phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu ghi nhận kết quả.

3. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:
 - Trường hợp cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông không tham gia biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.
 - Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông không tham gia biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.
 - Cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế tổ chức của đại hội.

Điều 10. Cách thức kiểm phiếu

1. Khi Cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến thực hiện biểu quyết, bầu cử, số phiếu biểu quyết, số phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Hệ thống bỏ phiếu điện tử thực hiện việc kiểm đếm số lượng phiếu biểu quyết, phiếu bầu theo từng nội dung đã được bỏ phiếu, bầu cử thông qua hệ thống bỏ phiếu trực tuyến và tổng hợp kết quả này gửi về cho Ban Kiểm phiếu.
2. Ban Kiểm Phiếu tiến hành lập Biên bản kiểm phiếu căn cứ trên kết quả kiểm phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử xuất ra từ hệ thống tổng hợp với kết quả bỏ phiếu từ xa, kết quả bỏ phiếu từ xa thông qua hệ thống V-Vote của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (nếu có) và kết quả bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội trong trường hợp tổ chức kết hợp ĐHĐCĐ trực tiếp và ĐHĐCĐ trực tuyến.
3. Kết quả bỏ phiếu điện tử xuất ra từ hệ thống bỏ phiếu điện tử do đơn vị cung cấp, quản lý hệ thống bỏ phiếu điện tử chịu trách nhiệm về tính chính xác trên cơ sở hợp đồng cung ứng dịch vụ tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến ký kết với Công ty. Trường hợp Công ty tự xây dựng hệ thống bỏ phiếu điện tử phục vụ cho việc tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến thì Công ty tự mình chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác của kết quả kiểm phiếu xuất ra từ hệ thống bỏ phiếu điện tử do Công ty tự xây dựng.

Điều 11. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Việc ghi và lập Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện như đối với cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội đồng cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông khi tham gia bỏ phiếu trực tuyến

1. Cổ đông tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ như cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ trực tiếp theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.
2. Cổ đông phải tuân thủ các hướng dẫn liên quan đến công tác tổ chức Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử nhằm đảm bảo cho việc tổ chức Đại hội trực tuyến được diễn ra một cách có trật tự, ổn định, hợp lệ.
Cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin truy cập để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Mọi kết quả bỏ phiếu của cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến trên hệ thống bỏ phiếu điện tử sẽ được mặc nhiên coi là quyết định cuối cùng của người đó. Cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước Công ty về kết quả bỏ phiếu điện tử đã được thực hiện của người đó trên hệ thống bỏ phiếu điện tử, trừ trường hợp cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông chứng minh được có lỗi của Công ty hoặc bên thứ ba bất kỳ làm sai lệch kết quả bỏ phiếu của cổ đông.
3. Cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến phải thông báo ngay cho Công ty để kịp thời xử lý khi phát hiện tài khoản truy cập bị mất, đánh cắp, bị lộ, hoặc nghi bị lộ bằng cách liên hệ với Công ty để thực hiện khóa tài khoản truy cập hoặc thực hiện các biện pháp ngăn chặn cần thiết khác nhằm tránh việc truy cập không hợp pháp. Cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại, tổn thất và rủi ro khác xảy ra trước thời điểm Công ty khóa tài khoản truy cập, trừ trường hợp việc lộ thông tin quy định tại điều này không do lỗi của Cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến.
4. Trường hợp cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông sau khi đã tham dự Đại hội trực tuyến thành công nhưng không thể tham dự liên tục đến hết chương trình thì có thể thực hiện biểu quyết đối với các nội dung cần xin ý kiến của cổ đông trước khi đăng xuất khỏi hệ thống bỏ phiếu điện tử.

Điều 13. Thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Thảo luận tại ĐHĐCĐ trực tuyến tuân theo sự điều khiển của Chủ tọa và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua.
2. Cổ đông tham gia thảo luận điền nội dung thảo luận vào mục tương ứng trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Hệ thống bỏ phiếu điện tử sẽ ghi nhận và gửi ý kiến cổ đông đến Ban Thư ký Đại hội.
3. Ban Thư ký chịu trách nhiệm tổng hợp ý kiến cổ đông và gửi Chủ tọa xem xét trả lời trong khuôn khổ nội dung và thời gian thảo luận của cuộc họp.

CHƯƠNG III ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG KẾT HỢP TRỰC TIẾP VỚI TRỰC TUYẾN

Điều 14. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp tại địa điểm diễn ra đại hội hoặc tham dự họp thông qua hội nghị trực tuyến. Cổ đông chỉ được chọn một trong hai hình thức tham gia trực tiếp hoặc trực tuyến.
2. Việc đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo phương thức kết hợp này được thực hiện như sau:
 - a. Đối với các Cổ đông tham dự họp trực tiếp: thực hiện đăng ký theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
 - b. Đối với các Cổ đông tham dự họp trực tuyến: thực hiện đăng ký theo quy định tại Quy chế này.

Điều 15. Điều kiện tiến hành

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo phương thức kết hợp này được tiến hành khi có tổng số Cổ đông/ Người được ủy quyền dự họp tham dự trực tiếp và trực tuyến đáp ứng tỷ lệ quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu, lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông sẽ áp dụng như quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 16. Điều khoản khác

1. Các nội dung liên quan khác không đề cập trong Quy chế này mặc nhiên thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và quy định pháp luật có liên quan.
2. Quy chế này là một Phụ lục đính kèm trong Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 4 Chương, 17 Điều và có hiệu lực từ ngày ban hành. Quy chế này có thể được chuyển ngữ sang nhiều ngôn ngữ khác nhau để tham khảo, tuy nhiên bản tiếng Việt được xem là bản chính thức và có giá trị ưu tiên trong mọi trường hợp.
2. Cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông và các cá nhân, tổ chức, phòng ban liên quan đến ĐHĐCĐ trực tuyến của Công ty có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



NGUYỄN VĂN HÙNG



Số: 0503.12/2026/TT-HĐQT

Phú Thọ, ngày 05 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Về việc: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động
Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; Luật Doanh nghiệp sửa đổi bổ sung năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 năm 2019 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech;
- Căn cứ các quy định pháp luật có liên quan và tình hình thực tế của Công ty.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi, bổ sung một số điều khoản Điều lệ của Công ty cho phù hợp với việc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, cụ thể như sau:

1. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ của Công ty và bản Điều lệ/ Phụ lục Điều lệ đã cập nhật các nội dung sửa đổi. Theo đó, Điều lệ mới nhất của Công ty sẽ có hiệu lực từ ngày 26/03/2026 và thay thế cho các bản Điều lệ, phụ lục sửa đổi bổ sung Điều lệ đã được ĐHĐCĐ thông qua trước đó.

(Chi tiết các nội dung thay đổi được thể hiện tại Bản Thuyết minh dự thảo các nội dung thay đổi tại Điều lệ đính kèm theo Tờ trình này).

2. Giao cho Chủ tịch HĐQT Công ty triển khai thực hiện theo quy định của Pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- BKS, Ban TGD;
- CBTT;
- Lưu HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



NGUYỄN VĂN HÙNG



Bản Thuyết minh dự thảo các nội dung thay đổi tại Điều lệ

(Đính kèm theo Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech)

1. Sửa đổi Khoản 1 Điều 4 Điều lệ quy định về ngành, nghề kinh doanh của công ty:

| TT | Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh (mã ngành VSIC) | Tên ngành, nghề kinh doanh hiện tại | Phương án điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung |
|-----------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2) | (3) | |
| 1 | 0141 | Chăn nuôi trâu, bò <i>Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp (CPC 881)</i> | Chăn nuôi trâu, bò <i>Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp (CPC 881) (trừ Nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới)</i> |
| 2 | 0142 | Chăn nuôi ngựa, lừa, la <i>Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp (CPC 881)</i> | Chăn nuôi ngựa, lừa, la <i>Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp (CPC 881) (trừ Nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới)</i> |
| 3 | 0144 | Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai <i>Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp (CPC 881)</i> | Chăn nuôi dê, cừu, hươu, nai và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai <i>Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp (CPC 881) (trừ Nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới)</i> |
| 4 | 0145 | Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn | Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn |

| TT | Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh (mã ngành VSIC) | Tên ngành, nghề kinh doanh hiện tại | Phương án điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung |
|----|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp (CPC 881) | Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp (CPC 881) (trừ Nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới) |
| 5 | 0146 | Chăn nuôi gia cầm Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp (CPC 881) | Chăn nuôi gia cầm Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp (CPC 881) (trừ Nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới) |
| 6 | 2220 | Sản xuất sản phẩm từ plastic | Không thay đổi |
| 7 | 2511 | Sản xuất các cấu kiện kim loại | Không thay đổi |
| 8 | 2591 | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại | Không thay đổi |
| 9 | 2592 (chính) | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại | Không thay đổi |
| 10 | 2593 | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng | Không thay đổi |
| 11 | 4101 | Xây dựng nhà để ở | Không thay đổi |
| 12 | 4102 | Xây dựng nhà không để ở | Không thay đổi |
| 13 | 4211 | Xây dựng công trình đường sắt | Không thay đổi |
| 14 | 4212 | Xây dựng công trình đường bộ | Không thay đổi |
| 15 | 4221 | Xây dựng công trình điện | Xây dựng công trình điện |

| Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh (mã ngành VSIC) | Tên ngành, nghề kinh doanh hiện tại | Phương án điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung |
|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| TT | | Chi tiết: Trừ Tuyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội; |
| 16 | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc | Không thay đổi |
| 17 | Xây dựng công trình công ích khác | Không thay đổi |
| 18 | Xây dựng công trình thủy | Xây dựng công trình thủy Chi tiết: Trừ Tuyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội |
| 19 | Xây dựng công trình khai khoáng | Không thay đổi |
| 20 | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo | Không thay đổi |
| 21 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Dịch vụ cho thuê liên quan đến trang thiết bị xây dựng hoặc tháo dỡ, đập bỏ các công trình xây dựng hay thiết kế dân dụng có người vận hành | Không thay đổi |
| 22 | Phá dỡ | Không thay đổi |
| 23 | Chuẩn bị mặt bằng | Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: Trừ Dịch vụ nổ mìn |

| TT | Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh (mã ngành VSIC) | Tên ngành, nghề kinh doanh hiện tại | Phương án điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung |
|----|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 24 | 4321 | Lắp đặt hệ thống điện | Không thay đổi |
| 25 | 4322 | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí | Không thay đổi |
| 26 | 4330 | Hoàn thiện công trình xây dựng | Không thay đổi |
| 27 | 4690 | <p>Bán buôn tổng hợp</p> <p><i>Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn). Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/01/2018.</i></p> | <p>Bán buôn tổng hợp</p> <p><i>Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn). Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/01/2018 (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối);</i></p> |
| 28 | 6202 | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính | <p>Cập nhật thành mã ngành 6220: Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính (do mã ngành 6202 bị xóa theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg)</p> |

| Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh (mã ngành VSIC) | Tên ngành, nghề kinh doanh hiện tại | Phương án điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung |
|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 29 | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan | Cập nhật thành mã ngành 6310: Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan (do mã ngành 6311 bị xóa theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg) |
| 30 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (phạm vi hoạt động quy định tại khoản 3 Điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản). | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Tư vấn bất động sản; Quản lý bất động sản; Môi giới bất động sản (phạm vi hoạt động quy định tại Điều 74, Điều 75, Điều 63 Luật Kinh doanh bất động sản). - Kinh doanh bất động sản (phạm vi hoạt động quy định tại khoản 3 Điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản). |
| 31 | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trước là mã 6820) Chi tiết: Tư vấn bất động sản; Quản lý bất động sản; Môi giới bất động sản (phạm vi hoạt động quy định tại Điều 74, Điều 75, Điều 63 Luật Kinh doanh bất động sản). | - Tư vấn bất động sản (phạm vi hoạt động quy định tại khoản 3 Điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản). (do mã ngành 6820 bị xóa theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg) |
| 32 | Hoạt động tư vấn quản lý | Không thay đổi |
| 33 | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên Chi tiết: Dịch vụ nghiên cứu và phát triển đối với khoa học tự nhiên | Không thay đổi |

| Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh (mã ngành VSIC) | Tên ngành, nghề kinh doanh hiện tại | Phương án điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung |
|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 34 | Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá) | Không thay đổi |
| 35 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Thực hiện quyền cho thuê hàng hóa (không bao gồm cho thuê tài chính) các hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam. Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/01/2018. | Không thay đổi |
| 36 | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: - Tổ chức sự kiện, hội thảo, hội nghị, triển lãm, hội chợ (không được phép thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không dùng chất nổ, chất cháy, hóa chất để làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện hay phim ảnh) | Không thay đổi |
| 37 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu. Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có vốn | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu. Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có vốn |

| | | | |
|----|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| TT | Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh (mã ngành VSIC) | Tên ngành, nghề kinh doanh hiện tại | Phương án điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung |
| | | đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/01/2018. | đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/01/2018 (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối). |

2. Sửa đổi các Điều, khoản khác tại Điều lệ:

| STT | Nội dung | Điều/khoản | Quy định tại Điều lệ hiện hành | Quy định tại Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung | Cơ sở pháp lý | Quy định công ty niêm yết |
|-----|--------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------------------|
| 1 | Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông | Khoản 1 Điều 14 | d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; | d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; | | |

| | | | | | | |
|---|---------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--|
| 2 | Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông | Khoản 3 Điều 17 | <p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 03 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm</p> | <p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một ngày) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> | Khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp | |
|---|---------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--|

| | | | | | | |
|---|--------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--|
| | | | <p>thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> | <p>Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> | | |
| 3 | <p>Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại</p> | <p>Khoản 10 Điều 19</p> | <p>10. Công ty có thể áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến hoặc kết hợp cả họp trực tiếp và họp</p> | <p>10. Công ty có thể áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến hoặc kết hợp cả họp trực tiếp và họp</p> | <p>Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp</p> | |

| | | | | | | |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| | hội đồng cổ đồng | | <p>trực tuyến. Trong trường hợp này, cổ đông có quyền tham dự và phát biểu ý kiến thông qua họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.</p> | <p>trực tuyến. Trong trường hợp này, cổ đông có quyền tham dự và phát biểu ý kiến thông qua họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến hoặc kết hợp cả họp trực tiếp và họp trực tuyến phải tuân thủ các quy định tại Quy chế về tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến hoặc kết hợp cả họp trực tiếp và họp trực tuyến được Hội đồng quản trị Công ty thông qua.</p> | | |
| 4 | Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông | Khoản 1 Điều 21 | <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào, khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp;</p> | <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào, khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp;</p> | Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp – những trường hợp phải lấy ý kiến cổ đông bằng biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông | |

| | | | | | |
|---|---------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 5 | Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị | Khoản 2 Điều 26 | <p>g. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 20% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>.....</p> <p>i. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác (không thuộc phạm vi quy định tại điểm g và điểm h Khoản 2 Điều này) có giá trị từ 35% đến dưới 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> | <p>g. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>.....</p> <p>i. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác (không thuộc phạm vi quy định tại điểm g và điểm h Khoản 2 Điều này) có giá trị từ 10% đến dưới 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> | |
| 6 | Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc | Khoản 3 Điều 34 | <p>b. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> | <p>b. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> | |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNC TECH

HÀ NỘI, THÁNG 03.. NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH

Hà Nội, ngày 06. tháng 03. năm 2026

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 1: GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

1. “**Công ty**” là gọi tắt của **Công ty Cổ phần Tập Đoàn CNCTech**.
2. “**Bản sao**” là giấy tờ được sao từ sổ gốc hoặc được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc đã được đối chiếu với bản chính.
3. “**Cá nhân nước ngoài**” là người mang giấy tờ xác định quốc tịch nước ngoài.
4. “**Cổ đông**” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần.
5. “**Cổ tức**” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.
6. “**Cổ phần**” là các phần vốn góp có giá trị bằng nhau tạo thành vốn Điều lệ của Công ty.
7. “**Giá thị trường của cổ phần**” là giá giao dịch trên thị trường tại thời điểm liền kề trước đó, giá thỏa thuận giữa người bán và người mua hoặc giá do một tổ chức thẩm định giá xác định.
8. “**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**” là văn bản bằng bản giấy hoặc bản điện tử ghi lại những thông tin về đăng ký doanh nghiệp mà Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho doanh nghiệp.
9. “**Góp vốn**” là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty, bao gồm góp vốn để thành lập công ty hoặc góp thêm vốn điều lệ của công ty đã được thành lập.
10. “**Kinh doanh**” là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả công đoạn của quá trình từ đầu tư, sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích tìm kiếm lợi nhuận.
11. “**Người có quan hệ gia đình**” bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.
12. “**Người có liên quan**” là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:
 - a. Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;
 - b. Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;
 - c. Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp.

- ng nghiệp đó thông qua sở hữu, thuê góp cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty;
- d. Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên;
 - e. Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
 - f. Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản này;
 - g. Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty.
13. “**Người quản lý doanh nghiệp**” bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
14. “**Người quản lý quan trọng**” bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
15. “**Nhà đầu tư nước ngoài**” là cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Đầu tư.
16. “**Tổ chức lại doanh nghiệp**” là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.
17. “**Vốn có quyền biểu quyết**” là cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
18. “**Vốn điều lệ**” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 2: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Loại hình doanh nghiệp:

Công ty thuộc hình thức Công ty Cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Tên Công ty:

Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **CNCTECH GROUP JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt: **CNCTECH GROUP**

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 1, Tòa nhà Vista, Số 4/15 Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0868208111

Email: hello@cnctech.vn

Website: cnctech.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

ĐIỀU 3: NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

1. Công ty có 03 (ba) người đại diện theo pháp luật, bao gồm: **Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc** do Hội đồng quản trị Công ty chỉ định. Hội đồng quản trị quyết định số lượng, phạm vi đại diện và nhiệm vụ cụ thể của từng người đại diện theo pháp luật theo từng thời kỳ, bảo đảm phù hợp với Điều lệ, quy định của pháp luật và nhu cầu hoạt động thực tế của Công ty. Việc chỉ định, thay đổi người đại diện theo pháp luật phải được Hội đồng quản trị quyết định bằng văn bản và thực hiện đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật.
2. Trường hợp Công ty có từ hai người đại diện theo pháp luật trở lên, mỗi người đại diện theo pháp luật thực hiện quyền đại diện độc lập trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ này và theo phân công của Hội đồng quản trị. Trường hợp Hội đồng quản trị chưa ban hành quyết định phân công cụ thể, mỗi người đại diện theo pháp luật được thực hiện quyền đại diện trong phạm vi phù hợp với chức danh của mình và không thuộc lĩnh vực đã được quy định dành riêng cho người đại diện theo pháp luật khác theo quy định dưới đây:
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị, không ảnh hưởng đến các quyền và nghĩa vụ khác theo Điều lệ này, có quyền đại diện cho Công ty trong các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, trên cơ sở các nghị quyết đã được thông qua, cũng như các giao dịch khác theo phân công của Hội đồng quản trị.
 - Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc được chỉ định làm người đại diện theo pháp luật có quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật trong mọi hoạt động của Công ty (trừ các lĩnh vực thuộc thẩm quyền đại diện của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo khoản 2 Điều này) và thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Hội đồng quản trị.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thường trú ở Việt Nam. Trường hợp

vắng mặt trên ba mươi (30) ngày ở Việt Nam, người đại diện theo pháp luật phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về thời gian vắng mặt và người được ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Trong trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt mà không thực hiện việc thông báo hoặc không có người được ủy quyền, Hội đồng quản trị có quyền phân công người đại diện theo pháp luật khác hoặc cử người khác làm người đại diện theo pháp luật thay thế theo quy định pháp luật.

4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty được phải thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quy định liên quan của Điều lệ này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 4: MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

| TT | Mã ngành, nghề kinh doanh | Tên ngành, nghề kinh doanh |
|----|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | 0141 | Chăn nuôi trâu, bò <i>Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp (CPC 881) (trừ Nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới)</i> |
| 2 | 0142 | Chăn nuôi ngựa, lừa, la <i>Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp (CPC 881) (trừ Nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới)</i> |
| 3 | 0144 | Chăn nuôi dê, cừu, hươu, nai và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai <i>Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp (CPC 881) (trừ Nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới)</i> |
| 4 | 0145 | Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn <i>Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp (CPC 881) (trừ Nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới)</i> |
| 5 | 0146 | Chăn nuôi gia cầm <i>Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp (CPC 881) (trừ Nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới)</i> |
| 6 | 2220 | Sản xuất sản phẩm từ plastic |
| 7 | 2511 | Sản xuất các cấu kiện kim loại |
| 8 | 2591 | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại |
| 9 | 2592 (chính) | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại |
| 10 | 2593 | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng |
| 11 | 4101 | Xây dựng nhà để ở |
| 12 | 4102 | Xây dựng nhà không để ở |
| 13 | 4211 | Xây dựng công trình đường sắt |
| 14 | 4212 | Xây dựng công trình đường bộ |

| | | |
|----|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 15 | 4221 | Xây dựng công trình điện <i>Chi tiết: Trừ Tuyên tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội;</i> |
| 16 | 4223 | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc |
| 17 | 4229 | Xây dựng công trình công ích khác |
| 18 | 4291 | Xây dựng công trình thủy <i>Chi tiết: Trừ Tuyên tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội</i> |
| 19 | 4292 | Xây dựng công trình khai khoáng |
| 20 | 4293 | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo |
| 21 | 4299 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác <i>Chi tiết: Dịch vụ cho thuê liên quan đến trang thiết bị xây dựng hoặc tháo dỡ, đập bỏ các công trình xây dựng hay thiết kế dân dụng có người vận hành</i> |
| 22 | 4311 | Phá dỡ |
| 23 | 4312 | Chuẩn bị mặt bằng <i>Chi tiết: Trừ Dịch vụ nổ mìn</i> |
| 24 | 4321 | Lắp đặt hệ thống điện |
| 25 | 4322 | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí |
| 26 | 4330 | Hoàn thiện công trình xây dựng |
| 27 | 4690 | Bán buôn tổng hợp <i>Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn). Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/01/2018 (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối);</i> |
| 28 | 6220 | Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính |
| 29 | 6310 | Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan |
| 30 | 6810 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết:</i> - Tư vấn bất động sản; Quản lý bất động sản; Môi giới bất động sản (phạm vi hoạt động quy định tại Điều 74, Điều 75, Điều 63 Luật Kinh doanh bất động sản). - Kinh doanh bất động sản (phạm vi hoạt động quy định tại khoản 3 Điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản). |

| | | |
|----|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 31 | 7020 | Hoạt động tư vấn quản lý |
| 32 | 7211 | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên <i>Chi tiết: Dịch vụ nghiên cứu và phát triển đối với khoa học tự nhiên</i> |
| 33 | 7310 | Quảng cáo <i>(không bao gồm quảng cáo thuốc lá)</i> |
| 34 | 7730 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác <i>Chi tiết: Thực hiện quyền cho thuê hàng hóa (không bao gồm cho thuê tài chính) các hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam. Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/01/2018.</i> |
| 35 | 8230 | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại <i>Chi tiết: - Tổ chức sự kiện, hội thảo, hội nghị, triển lãm, hội chợ (không được phép thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không dùng chất nổ, chất cháy, hóa chất để làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện hay phim ảnh)</i> |
| 36 | 8299 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu. Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/01/2018 (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện</i> |

2. Công ty được thành lập và hoạt động theo các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, nhằm huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong hoạt động kinh doanh; tối đa hóa lợi nhuận; bảo đảm việc làm ổn định cho người lao động; gia tăng lợi ích cho các cổ đông; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và phát triển Công ty bền vững lâu dài.

ĐIỀU 5: PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

ĐIỀU 6: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

1. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ của Công ty là: 916.000.000.000 VNĐ (*Chín trăm mười sáu tỷ đồng Việt Nam*)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 91.600.000 cổ phần (*Chín mươi một triệu sáu trăm nghìn cổ phần*) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành thêm cổ phần phổ thông và các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
5. Công ty có thể mua lại cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
6. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7: CHỨNG NHẬN CỔ PHIẾU

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
 - b. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - c. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - e. Chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Người đại diện theo pháp luật của công ty;

- f. Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
 - g. Nội dung khác đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi (nếu có).
3. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
 4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
 5. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận chứng khoán. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

ĐIỀU 8: CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

ĐIỀU 9: CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

ĐIỀU 10: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Công ty lựa chọn cơ cấu tổ chức quản lý theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp. Bộ máy quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;

3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc (và Ban Điều hành).

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 11: QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông phổ thông có quyền sau đây:

- a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;
- d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan;
- e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g. Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty;
- h. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình trong trường hợp Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng;
- i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

- j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:
- a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường sau: (i) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; (ii) Hội đồng quản trị vi phạm Điều lệ Công ty hoặc thực hiện trái với các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày

khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Cụ thể:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành có quyền đề cử 01 (một) ứng cử viên;

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành có quyền đề cử 02 (hai) ứng cử viên;

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành có quyền đề cử 03 (ba) ứng cử viên;

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành có quyền đề cử 04 (bốn) ứng cử viên;

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 65% trở lên tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành có quyền đề cử số lượng ứng cử viên tối đa bằng tổng số thành viên Hội đồng Quản trị và/hoặc Ban Kiểm soát cần bầu.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

ĐIỀU 12: NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong vốn điều lệ giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ công ty.
4. Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc tham dự thông qua họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử (nếu Công ty áp dụng hình thức họp trực tuyến);
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 13: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc ;
- e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
- f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền (nếu có).

Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp sau đây:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty và cổ đông;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 11 của Điều lệ Công ty;
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy

định tại Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

5. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

ĐIỀU 14: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Khoản 84 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- f. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác (không thuộc phạm vi quy định tại điểm d và điểm e Khoản 1 Điều này) có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- g. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- h. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- i. Quyết định việc mua lại cổ phiếu để giảm vốn điều lệ;
- j. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- k. Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
- l. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm

soát;

- n. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- o. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- p. Công ty ký các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Khoản 84 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

- q. Công ty ký các hợp đồng, giao dịch khác (không thuộc phạm vi quy định tại điểm o và điểm p Khoản 2 Điều này) có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - r. Quyết định việc mua lại cổ phiếu để giảm vốn điều lệ;
 - s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 15: ỦY QUYỀN THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại. Người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền có toàn quyền nhân danh.

ĐIỀU 16: THAY ĐỔI CÁC QUYỀN

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ

đồng dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và 20 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

ĐIỀU 17: TRIỆU TẬP HỌP, CHƯƠNG TRÌNH HỌP VÀ THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

- e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một ngày) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

ÁP Đ
TEU
01068

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

ĐIỀU 18: CÁC ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17 của Điều lệ Công ty.

ĐIỀU 19: THẺ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thẻ thức họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
 - b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền

tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này,

- hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
 9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
 10. Công ty có thể áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến hoặc kết hợp cả họp trực tiếp và họp trực tuyến. Trong trường hợp này, cổ đông có quyền tham dự và phát biểu ý kiến thông qua họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến hoặc kết hợp cả họp trực tiếp và họp trực tuyến phải tuân thủ các quy định tại Quy chế về tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến hoặc kết hợp cả họp trực tiếp và họp trực tuyến được Hội đồng quản trị Công ty thông qua.

ĐIỀU 20: ĐIỀU KIỆN ĐỂ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua mọi Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Trừ các trường hợp quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này dưới đây, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp) hoặc được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ

đồng có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

3. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các vấn đề dưới đây sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp) hoặc được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản):
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể công ty.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
7. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

ĐIỀU 21: THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỀ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào, khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty và Cổ đông, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp;
2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu liên quan đến các vấn đề cần lấy ý kiến được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo Phiếu lấy ý kiến, Phiếu lấy ý kiến phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu cần lấy ý kiến để các cổ đông có thể tiếp cận;
3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của

cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 22: NGHỊ QUYẾT, BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 23: YÊU CẦU HỦY BỎ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 20 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 24: ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty và Cổ đông nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn

không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

ĐIỀU 25: THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỲ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Đại hội đồng cổ đông quyết định số lượng thành viên cụ thể theo từng thời kỳ.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của công ty đại chúng phải đảm bảo quy định sau:
 - a. Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - b. Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - c. Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

ĐIỀU 26: QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
 - e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - f. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - g. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - h. Thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác (không thuộc phạm vi quy định tại điểm g và điểm h Khoản 2 Điều này) có giá trị từ 10% đến dưới 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
 - l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

- p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;
 - q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi bởi Khoản 82 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐCP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

ĐIỀU 27: THÙ LAO, THƯỞNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được trả theo quy định sau đây:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành



viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

ĐIỀU 28: CHỨC VỤ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật và Điều lệ.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 29: CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn

khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 30: CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 3 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

ĐIỀU 31: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật

Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

ĐIỀU 32: **TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Ban Điều hành do Tổng Giám đốc đứng đầu, chịu trách nhiệm tổ chức điều hành hoạt động sản xuất – kinh doanh hằng ngày của Công ty. Chủ tịch Điều hành không phải là thành viên thường trực của Ban Điều hành, nhưng có quyền tham dự và yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo, họp bàn về các vấn đề chiến lược, định hướng phát triển, nhân sự cấp cao hoặc các nội dung khác theo thẩm quyền được Hội đồng quản trị giao. Trong mọi trường hợp, Tổng Giám đốc vẫn là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về kết quả và hiệu quả hoạt động điều hành của Công ty.

Các Phó Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch Điều hành giúp việc cho Tổng Giám đốc và Chủ tịch điều hành trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Ngoài ra Công ty còn có Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 33: **NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY**

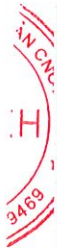
1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Chủ tịch Điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch Điều hành và Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

ĐIỀU 34: BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tổng Giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - c. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
 - e. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
 - f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - g. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả



- người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- h. Tuyển dụng lao động;
 - i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - j. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.
5. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
 - c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

ĐIỀU 35: BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CHỦ TỊCH ĐIỀU HÀNH

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là một thành viên Hội đồng quản trị khác do Hội đồng quản trị chỉ định làm Chủ tịch Điều hành.
2. Chủ tịch Điều hành thực hiện chức năng định hướng, giám sát và chỉ đạo cấp chiến lược đối với hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành. Chủ tịch Điều hành không trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, trừ trường hợp được Hội đồng Quản trị ủy quyền cụ thể.
3. Chủ tịch Điều hành Tập đoàn quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Định hướng và giám sát hoạt động của Ban Điều hành ở cấp chiến lược;
 - b. Tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc đề xuất với Hội đồng Quản trị về chiến lược phát triển, đầu tư, hợp tác, nhân sự cấp cao, thương hiệu và mở rộng thị trường;
 - c. Phối hợp với Tổng Giám đốc trong việc theo dõi tình hình triển khai các hoạt động đầu tư, thỏa thuận hợp tác, chính sách nhân sự cấp cao, những thay đổi về thương hiệu và mở rộng thị trường mang tính chiến lược;
 - d. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp làm việc giữa Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành hoặc các cuộc họp Ban Điều hành mở rộng theo phân công/ủy quyền của Hội đồng Quản trị nhằm thảo luận các vấn đề mang tính chiến lược;

e. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công, ủy quyền của Hội đồng Quản trị.

IX. BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 36: ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Điều 24 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

ĐIỀU 37: THÀNH PHẦN BAN KIỂM SOÁT

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên. Số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo từng thời kỳ. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 38: TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên

thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 39: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

ĐIỀU 40: CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

ĐIỀU 41: TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, THƯỞNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

ĐIỀU 42: TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông

tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của công ty đại chúng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

ĐIỀU 43: TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty và Cổ đông trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

ĐIỀU 44: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ

IN CMC
H
39469

liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

- b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

ĐIỀU 45: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

ĐIỀU 46: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng

năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

ĐIỀU 47: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

ĐIỀU 48: NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, riêng năm đầu tiên hoạt động bắt đầu từ ngày ra hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

ĐIỀU 49: CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán

đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

ĐIỀU 50: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM, BÁN NIÊN VÀ QUÝ

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

ĐIỀU 51: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

ĐIỀU 52: KIỂM TOÁN

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

ĐIỀU 53: DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

1. Công ty sử dụng hai (02) con dấu có hình tròn, mực đỏ, nội dung con dấu phải thể hiện thông tin về Tên doanh nghiệp và Mã số doanh nghiệp.
2. Hình thức cụ thể do Hội đồng quản trị công ty quyết định trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật. Con dấu của Công ty được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty.
3. Con dấu của Công ty sẽ do Tổng Giám đốc trực tiếp quản lý và việc sử dụng con dấu sẽ theo quy chế do Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ban hành.
4. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu.
5. Con dấu không được phép sử dụng vào các mục đích không liên quan đến hoạt động của Công ty, không phục vụ cho lợi ích của Công ty và Cổ đông.
6. Khi có thay đổi về nhân sự chủ chốt (Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc) con dấu phải được chuyển giao ngay lập tức cho các nhân sự chủ chốt mới.
7. Người nào không chuyển giao con dấu cũng như những tài liệu quan trọng khác của Công ty dẫn đến cản trở hoạt động của Công ty sẽ phải bồi thường thiệt hại.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

ĐIỀU 54: GIẢI THỂ CÔNG TY

1. Công ty sẽ giải thể trong các trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

ĐIỀU 55: GIA HẠN HOẠT ĐỘNG

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

ĐIỀU 56: THANH LÝ

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

ĐIỀU 57: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 58: ĐIỀU LỆ CÔNG TY

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

ĐIỀU 59: NGÀY HIỆU LỰC

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn CNCTech nhất trí thông qua ngày 26 tháng 03 năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



NGUYỄN VĂN HÙNG



CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN CNCTECH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 0503.13/2026/TT-HĐQT

Phú Thọ, ngày 05 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Về việc: Thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech ("Công ty") kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 thông qua việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

1. Thông qua Đơn từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị của công ty đối với ông Vũ Anh Tuấn đã gửi ngày 05/03/2026. Ông Vũ Anh Tuấn có thông tin chứng thực cá nhân cụ thể:

Họ và tên: **VŨ ANH TUẤN**

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 17/09/1977

Dân tộc: Kinh

CCCD số: 001077014212

Ngày cấp: 24/08/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số 28 Ngõ 21 Quốc Tử Giám, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 28 Ngõ 21 Quốc Tử Giám, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

2. Bổ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty đối với ông Ngô Hùng Tín. Ông Ngô Hùng Tín có thông tin chứng thực cá nhân cụ thể:

Họ và tên: **NGÔ HÙNG TÍN**

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 02/09/1959

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

CCCD số: 027059002499

Ngày cấp: 27/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số nhà 9 ngõ 87, đường Nguyễn Khang, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 9 ngõ 87, đường Nguyễn Khang, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

(Sơ yếu lý lịch của ông Ngô Hùng Tín được đính kèm theo tờ trình này).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt và thông qua.



Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông TN 2026;
- BKS, Ban TGD;
- CBTT;
- Lưu HĐQT.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



NGUYỄN VĂN HÙNG



Số: 0503.14/2026/TT-HĐQT

TP Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Về việc: Thay đổi, bổ sung thành viên Ban kiểm soát

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech ("Công ty") kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 thông qua việc thay đổi, bổ sung thành viên Ban Kiểm soát, cụ thể như sau:

1. Thông qua Đơn từ nhiệm chức danh thành viên Ban Kiểm soát của công ty đối với ông Nguyễn Phú Hoàng đã gửi ngày 24/02/2026. Ông Nguyễn Phú Hoàng có thông tin chứng thực cá nhân cụ thể:

Họ và tên: **NGUYỄN PHÚ HOÀNG**

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 21/02/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Căn cước số: 033096002083

Ngày cấp: 20/11/2024

Nơi cấp: Bộ Công an

Địa chỉ thường trú: G3 Vinhomes Greenbay, Số 7 Đại Lộ Thăng Long, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: G3 Vinhomes Greenbay, Số 7 Đại Lộ Thăng Long, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

2. Bổ nhiệm chức danh thành viên Ban Kiểm soát của công ty đối với bà Nguyễn Ngân Giang. Bà Nguyễn Ngân Giang có thông tin chứng thực cá nhân cụ thể:

Họ và tên: **NGUYỄN NGÂN GIANG**

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 17/12/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Căn cước số: 026196001905

Ngày cấp: 27/02/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Lỗ Quỳnh, xã Tề Lỗ, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Lỗ Quỳnh, xã Tề Lỗ, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

(Sơ yếu lý lịch của bà Nguyễn Ngân Giang được đính kèm theo tờ trình này).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt và thông qua.



Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- BKS, Ban TGD;
- CBTT;
- Lưu HĐQT.

**T. M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



NGUYỄN VĂN HÙNG



**P. ĐOÀN CNCTECH
ECH
106839469**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **NGUYỄN NGÂN GIANG** Giới tính: Nữ
2. Ngày tháng năm sinh: 17/12/1996 Quốc tịch: Việt Nam
3. Căn cước số: 026196001905 Ngày cấp: 27/02/2022
4. Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội
5. Địa chỉ thường trú: Thôn Lỗ Quỳnh, xã Tề Lỗ, tỉnh Phú Thọ
6. Địa chỉ liên lạc: Thôn Lỗ Quỳnh, xã Tề Lỗ, tỉnh Phú Thọ
7. Số điện thoại: 0363363436
8. Trình độ học vấn và chuyên môn:
- Cử nhân kinh tế - Ngành kiểm toán trường Học viện Tài Chính;
9. Quá trình công tác:
 - **2018 – 2021:** Công tác tại Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (EY Vietnam), trực tiếp phụ trách kiểm toán cho các khách hàng là doanh nghiệp trong nước, công ty niêm yết, doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nhà nước; đảm nhiệm vai trò trưởng nhóm trong nhiều cuộc kiểm toán.
 - **2021 – 2022:** Công tác tại Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech, phụ trách mảng Tài chính; trọng tâm là hợp nhất báo cáo tài chính; đồng thời làm việc, trao đổi với các quỹ và các bên liên quan trong quá trình thực hiện đại chúng và niêm yết.
 - **2022 – nay:** Công tác tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Việt Nhật, phụ trách công tác quản trị kinh doanh và quản trị hệ thống; tổ chức, vận hành và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp, đồng thời triển khai các chiến lược phát triển và tối ưu hiệu quả kinh doanh.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2026

Người khai

NGUYỄN NGÂN GIANG

